

Nội dung Quảng cáo

Nội dung chương trình dạy kế toán thực hành của Tadiiepthu

STT	Tên khóa học	Nội dung	Học Phí	Kết quả
01	Học Kế toán online – Tổng hợp các loại hình kế toán (TM, DV, DL)	Bộ chứng từ 1 tháng	Miễn phí	Thành thạo các công đoạn kế toán .Tổng hợp chứng từ, định khoản, lên báo cáo tài chính Thành thạo phần mềm kế toán cho loại hình doanh nghiệp, thông thạo kê khai thuế
02	Các vị trí kế toán thuộc kê thống kê toán (từ kế toán quản trị)	Bộ chứng từ 1 tháng	100.000 Đồng	
03	Kế toán doanh nghiệp Thương mại	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
04	Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
05	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
06	Tổng hợp cả ba loại hình trên	Bộ chứng từ 3 tháng	500.000 Đồng	

1.2 Nội dung khóa học

Lập chứng từ và quản lý chứng từ:

- Lập chứng từ kế toán
- Phân loại chứng từ kế toán
- Lưu chứng từ kế toán
- Thực hiện các nghiệp vụ phiếu kế toán cuối kỳ
- Các nghiệp vụ hành chính bắt buộc ví dụ : Bảo hiểm, văn thư ..

Thực hành ghi sổ kế toán:

Sổ tổng hợp:

- Sổ nhật ký (Nhật ký chung)
- Sổ cái (các tài khoản)

Sổ chi tiết:

- Sổ quỹ tiền mặt tiền gửi (111; 112)
- Sổ chi tiết công nợ và tổng hợp công nợ (TK131;331...)
- Sổ chi tiết hàng tồn kho, tổng hợp N - X – T(TK152;156)
- Sổ chi tiết doanh thu bán hàng, tổng hợp doanh thu bán hàng (TK 511...).
- Bảng tập hợp chi phí và tính giá thành (TK154;621;622;627)

- Bảng theo dõi phân bổ công cụ dụng cụ (TK 153; 242...)
- Bảng theo dõi khấu hao tài sản cố định (TK 211; 214...)

Lên Bảng cân đối phát sinh

- Từ số liệu của sổ chi tiết tổng hợp và lên bảng cân đối phát sinh

Lên Báo Cáo Tài Chính

- Lên bảng lưu chuyển tiền tệ
- Bảng cân đối kế toán
- Thuyết minh tài chính

Liên hệ sđt 0936838448

hoặc mail dttdiepthu@gmail.com

LỜI MỞ ĐẦU

Một vài thập niên gần đây, nền kinh tế nước ta có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng trong nền kinh tế thị trường, bên cạnh đó chúng ta cũng thu được nguồn vốn đầu tư lớn nước ngoài. Do đó vốn đầu tư cho ngành xây dựng cơ bản cũng tăng nhanh.

Xây dựng cơ bản (XD CB) là ngành sản xuất vật chất tạo cơ sở và tiền đề phát triển cho nền kinh tế Quốc dân. Hàng năm ngành XD CB thu hút gần 30% tổng số vốn Đầu tư của cả nước. với nguồn vốn đầu tư lớn như vậy cùng với đặc điểm sản xuất của ngành là thời gian thi công kéo dài và thường trên quy mô lớn đã đặt ra vấn đề lớn phải giải quyết là: "Làm sao phải quản lý vốn tốt, có hiệu quả khắc phục tình trạng thất thoát và lãng phí trong sản xuất thi công, giảm chi phí hạ giá thành, tăng tính cạnh tranh cho doanh nghiệp.

Một trong những công cụ đắc lực để quản lý có hiệu quả đó là kế toán với phần hành cơ bản là hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Hạch toán kế toán có vai trò hết sức quan trọng trong quá trình quản lý, nó cung cấp các thông tin tài chính cho người quản lý đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng, giúp cho lãnh đạo ra những quyết định quản lý hợp lý và đồng thời kiểm

tra sự đúng đắn của các quyết định đó sao cho doanh nghiệp làm ăn có lãi và đứng vững trong điều kiện cạnh tranh của cơ chế thị trường.

Những việc đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm giúp ích rất nhiều cho hạch toán kinh tế nội bộ của doanh nghiệp. Sử dụng hợp lý thông tin này sẽ tạo đòn bẩy kinh tế tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Trong doanh nghiệp xây lắp thông tin này là cơ sở kiểm soát vốn đầu tư XDCB. Hơn nữa với Nhà nước thì thông tin này làm cơ sở thu thu. Vì vậy việc tổ chức công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là công việc quan trọng giúp cho doanh nghiệp đánh giá được hiệu quả của yếu tố (từng đồng) chi phí phải bỏ ra, từ đó có được các quyết định chính xác trong việc tổ chức và điều hành sản xuất.

Về thực tập tại công ty Cơ Giới và Xây Lắp 13 - Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng - LICOGI, trong giai đoạn đơn vị đang tiến hành các biện pháp tổ chức và quản lý trong công tác hạch toán kế toán nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Để vận dụng kiến thức đã học một cách thiết thực vào công tác quản lý sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp cho công tác tổ chức hạch toán kế toán ngày càng hoàn thiện hơn. Trong điều kiện hạn chế về thời gian và để có thể tập trung vào một vấn đề mà công ty đang chú trọng đó là đánh giá hiệu quả của các chi phí sản xuất kinh doanh, em đã cố gắng đi sâu nghiên cứu chuyên đề:

"Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm" với việc tăng cường quản trị doanh nghiệp tại công ty cơ giới & xây lắp 13 thuộc Tổng công ty LICOGI.

Nội dung chuyên đề gồm có ba phần:

Phần I: Tình hình chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong sản xuất kinh doanh.

Phần II: Tổ chức hạch toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cơ giới và xây lắp 13.

Phần III: Một số kiến nghị góp phần nhằm hoàn thiện công tác tổ chức hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

Phần thứ nhất

LÝ LUẬN CHUNG VỀ HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH.

A. Cơ sở lý luận về tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành.

I. ĐẶC ĐIỂM NGÀNH XÂY DỰNG CƠ BẢN TÁC ĐỘNG ĐẾN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN.

Trong những năm thực hiện chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế mới cũng như tất cả các ngành sản xuất kinh doanh (sản xuất kinh doanh) trong cả nước, ngành xây dựng cơ bản, (XDCB) ngày càng thích nghi và phát triển. Với mục tiêu hiện đại hoá cơ sở hạ tầng XDCB lại càng khẳng định được vị trí của mình trong lĩnh vực kinh doanh.

Do tính chất ngành XDCB là ngành sản xuất vật chất, có vai trò quan trọng trong việc xây dựng, cải tạo, đổi mới cơ sở hạ tầng nhưng sản phẩm lại mang những đặc điểm riêng biệt so với sản phẩm của các ngành sản khác. Vì vậy tổ chức hạch toán ở các doanh nghiệp kinh doanh xây lắp phải dựa trên những đặc điểm chính của nó.

Sản phẩm xây lắp là các công trình hạng mục, công trình vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu phức tạp mang tính đơn chiếc, thời gian thi công kéo dài và phân tán.... Vì vậy trong khi tiến hành xây lắp, sản phẩm dự định đều phải qua các khâu từ dự án rồi đến dự toán công trình. Dự toán công trình là tổng mức chi phí cần thiết cho việc đầu tư công trình được tính toán cụ thể ở giai thiết kế kỹ thuật.

Sản phẩm xây lắp cố định cố định tại nơi sản xuất, còn tất cả các điều kiện sản xuất như xe máy, lao động, vật tư.... đều phải di chuyển theo địa điểm của công trình xây lắp.

Sản phẩm xây lắp hoàn thành không nhập kho mà lại tiêu thụ ngay theo giá dự toán (giá thanh toán với chủ đầu tư bên A) hoặc giá thỏa thuận (cũng được xác định trên dự toán công trình), do đó tính chất hàng hoá của sản phẩm xây lắp không được thể hiện rõ.

Thông thường công tác xây lắp do các đơn vị kinh doanh xây lắp nhận thầu tiến hành. Xong thực tế do các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh làm xuất hiện những đơn vị tổ đội xây lắp nhỏ... những đơn vị này đi nhận thầu lại hoặc được khoán lại các công trình,... Tuy khác nhau về quy mô sản xuất, hạch toán quản lý, xong các đơn vị này đều là các tổ chức xây lắp.

Từ những đặc điểm trên trong các đơn vị kinh doanh xây lắp, công tác kế toán vừa phải đảm bảo yêu cầu phản ánh chung của một đơn vị sản xuất. Ghi chép đầy đủ chi phí và giá thành sản phẩm, thực hiện phù hợp với ngành nghề,

cung cấp thông tin và số liệu chính xác nhằm phục vụ tốt cho quản lý doanh nghiệp.

II. BẢN CHẤT VÀ NỘI DUNG KINH TẾ CỦA CHI PHÍ SẢN XUẤT.

1. Khái niệm và bản chất chi phí sản xuất.

Trong một doanh nghiệp dù lớn hay nhỏ muốn sản xuất kinh doanh cần phải bỏ ra những chi phí nhất định. Những chi phí này là điều kiện vật chất tiền đề bắt buộc để các dự án xây dựng trở thành hiện thực. Trong quá trình tái sản xuất mở rộng thì gian đoạn sản xuất là gian đoạn quan trọng nhất. ở đó diễn ra quá trình tiêu dùng của cải vật chất, sức lao động để tạo chi phí dịch vụ cho yếu tố đầu ra (tiêu thụ sản phẩm). Trong điều kiện tồn tại quan hệ hàng hoá tiền tệ thì các chi phí bỏ ra cho hoạt động của doanh nghiệp đều được biểu diễn dưới hình thái giá trị. Hiểu một cách chung nhất, chi phí sản xuất là toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà công ty đã thực tế bỏ ra để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí sản xuất bao gồm nhiều loại, nhiều yếu tố khác nhau nhưng thực chất nó không nằm ngoài hai loại chi phí là chi phí lao động và chi phí lao động vật hoá.

Chi phí sản xuất trong ngành xây dựng cơ bản là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá, tiền lương phải trả cho công nhân liên quan đến sản xuất thi công và bàn giao sản phẩm trong một thời kỳ nhất định.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp kinh doanh xây lắp phát sinh thường xuyên trong quá trình sản xuất nhưng để phục vụ cho quản lý và hạch toán chi phí sản xuất phải được tính toán, tập hợp theo từng thời kỳ hàng tháng, hàng quý, hàng năm phù hợp với kỳ báo cáo. Trong đội xây lắp chi phí sản xuất gồm nhiều loại có tính chất kinh tế, công dụng khác nhau và yêu cầu quản lý đối với cùng loại cũng khác nhau. Về việc quản lý chi phí sản xuất không chỉ căn cứ vào số liệu tổng số chi phí sản xuất mà phải theo dõi, dựa vào số liệu của từng loại chi phí.

Bởi vậy, muốn tập hợp và quản lý tốt chi phí, tất yếu là phải phân loại chi phí sản xuất.

2. Phân loại chi phí.

Với mỗi doanh nghiệp, chi phí sản xuất kinh doanh có nội dung kinh tế khác nhau, công dụng khác nhau và yêu cầu quản lý đối với từng loại cũng khác nhau. Để lập kế hoạch và tính chính xác giá thành, để không ché và thống nhất các loại chi phí, nhằm nghiên cứu phát sinh trong quá trình hình thành giá thành sản phẩm. Vấn đề đặt ra là phải phân loại chi phí thành từng nhóm riêng theo những tiêu thức nhất định.

Đối với nước ta hiện nay, việc phân loại chi phí được áp dụng theo đặc điểm sản xuất kinh doanh, đặc điểm quản lý của doanh nghiệp. Chi phí sản xuất xây lắp được phân loại theo các tiêu thức sau:

a. Phân loại chi phí theo nội dung tính chất kinh tế của chi phí.

Theo cách phân loại này, căn cứ vào tính chất, nội dung kinh tế của chi phí sản xuất khác nhau để chia ra các yếu tố chi phí, mỗi yếu tố chi phí chỉ bao gồm những chi phí nó cùng một nội dung kinh tế, không phân biệt chi phí đó ở lĩnh vực nào và ở đâu. Vì vậy, cách phân loại này còn gọi là nhân loại chi phí sản xuất theo yếu tố. Toàn bộ chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp bao gồm các yếu tố sau:

1. Chi phí nguyên liệu, vật liệu bao gồm nguyên vật liệu chính (như xi măng, sắt thép,...) vật liệu phụ, nhiên liệu năng lượng, động lực được sử dụng trong kỳ (như xăng, dầu,...)

2. Chi phí nhân công gồm tiền lương (lương chính + lương phụ + phụ cấp lương) và các khoản tiền tính theo lương như BHXH, BHYT, KPCĐ.

3. Chi phí khấu hao TSCĐ: Là khoản hao mòn của doanh nghiệp như: nhà xưởng, máy móc, máy thi công...

4. Chi phí mua bán ngoài. (như điện, nước, điện thoại...)

5. Các loại chi phí khác bằng tiền.

Các chi phí trên là chi phí về lao động sống (tiền lương và các khoản trích theo lương) và chi phí về lao động vật hoá (khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ...)

Phân loại theo cách này cho biết trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải chi ra những loại chi phí gì và bao nhiêu. Nó là cơ sở lập dự toán chi phí sản xuất và lập kế hoạch cung ứng vật tư, kế hoạch quỹ tiền lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động, định mức. Đối với công tác kế toán, là cơ sở để tổ chức việc tập hợp chi phí sản xuất theo yếu tố, giám đốc tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, đồng thời là cơ sở tính toán thu nhập quốc dân, đánh giá khái quát tình hình tăng năng suất lao động.

b. Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ chi phí và quá trình sản xuất.

Chi phí sản xuất có thể chia ra thành chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp:

1. Chi phí trực tiếp: là những khoản chi phí có liên quan trực tiếp tới quá trình sản xuất và tạo ra sản phẩm. Những chi phí này có thể tập hợp cho từng công trình hạng mục, công trình độc lập như nguyên vật liệu, tiền lương trực tiếp, khấu hao máy móc thiết bị sử dụng.

2. Chi phí gián tiếp: Là những chi phí cho hoạt động tổ chức phục vụ và quản lý, do đó không tác động trực tiếp vào quá trình sản xuất và cũng không được tính trực tiếp cho từng đối tượng cụ thể. Kết cấu của chi phí gián tiếp cũng tương tự như chi phí trực tiếp nhưng những khoản này chỉ ra cho hoạt động quản lý doanh nghiệp xây lắp.

Do mỗi loại chi phí trên có tác dụng khác nhau đến khối lượng và chất lượng công trình nên việc hạch toán chi phí theo hướng phân tích, định rõ chi phí trực tiếp chi phí gián tiếp có ý nghĩa thực tiễn cho việc đánh giá hợp lý của chi phí và tìm biện pháp không ngừng giảm chi phí gián tiếp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của doanh nghiệp.

c. Phân loại theo khoản mục chi phí:

Phân loại chi phí theo khoản mục chi phí là căn cứ vào mục đích sử dụng và đặc điểm phát sinh của từng khoản mục chi trong giá thành xây dựng cơ bản.

Theo cách này chi phí bao gồm khoản mục sau:

- Chi phí về vật liệu
- Chi phí về nhân công
- Chi phí về sử dụng máy thi công
- Chi phí về sản xuất chung

Theo cách phân loại này, mỗi loại chi phí thể hiện điều kiện khác nhau của chi phí sản xuất, thể hiện nơi phát sinh chi phí, đối tượng gánh chịu chi phí.

Xuất phát từ đặc điểm của sản phẩm xây lắp và phương pháp lập dự toán trong xây dựng cơ bản là dự toán được lập cho từng đối tượng xây dựng theo các khoản mục giá thành nên phương pháp phân loại chi phí theo khoản mục là phương pháp được sử dụng phổ biến trong các doanh nghiệp xây dựng. Còn phương pháp phân loại theo yếu tố thường không đề cập đến.

III. BẢN CHẤT VÀ NỘI DUNG KINH TẾ CỦA GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

1. Khái niệm và bản chất của giá thành.

Trong sản xuất chi phí chỉ là một mặt, thể hiện sự hao phí. Để đánh giá chất lượng sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế chi phí phải được xem xét trong mối quan hệ chặt chẽ với kết quả sản xuất đó cũng là mặt cơ bản của quá trình sản xuất. Quan hệ so sánh đó đã hình thành nên khái niệm "giá thành sản phẩm".

Giá thành sản phẩm xây lắp là toàn bộ các chi phí (chi phí về lao động sống và lao động vật hoá) tính bằng tiền để hoàn thành một khối lượng sản phẩm xây lắp theo quy định. Nó là một bộ phận của giá trị sản phẩm xây lắp, là một trong các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý kinh tế của doanh nghiệp. Giá thành hạng mục công trình hoặc công trình hoàn thành toàn bộ là giá thành sản phẩm cuối cùng của sản phẩm xây lắp. Việc phấn đấu áp dụng quy trình công nghệ mới, hoàn thiện kỹ thuật thi công, được trang bị máy thi công hiện đại, sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng hợp lý nhân công, quay nhanh vốn vòng quay sản xuất, tăng năng xuất lao động... dẫn đến hạ giá thành sản xuất đơn vị sản phẩm, nâng cao khả năng tiêu thụ để kết quả sản xuất kinh doanh tăng.

Giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Xét trên khía cạnh nào đó thì chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp đều là biểu hiện bằng tiền của các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá, về mặt kế toán thì tập hợp chi phí sản xuất tạo ra cơ sở số liệu để tính giá thành sản phẩm.

Do đặc điểm của ngành xây dựng cơ bản và sản xuất xây lắp là xây dựng những công trình kiến trúc, cầu, đoạn đường,.... do đó mang nét đặc thù riêng

biệt khác hẳn những ngành sản xuất khác mà hình thành nên những khái niệm khác nhau.

2. Phân loại giá thành sản phẩm xây lắp.

a. Căn cứ vào cơ sở số liệu và thời điểm tính giá thành: thì giá thành sản phẩm xây lắp được chia ra thành giá thành dự toán, giá thành kế hoạch, giá thành thực tế:

1. Giá thành dự toán (Z_{dt}): là tổng số các chi phí dự toán để hoàn thành một khối lượng xây lắp. Giá dự toán được xác định trên cơ sở các định theo thiết kế được duyệt và khung giá quy định đơn giá xây dựng cơ bản áp dụng vào từng vùng lãnh thổ, từng địa phương giai cấp có thẩm quyền ban hành.

Z_{dt} = Giá trị dự toán - lợi nhuận định mức.

Giá trị dự toán của công trình, hạ mục công trình là chi phí cho công tác xây lắp ráp các cấu kiện, lắp đặt các máy móc thiết bị... bao gồm các chi phí trực tiếp, chi phí chung và lợi nhuận định mức.

Lợi nhuận định mức là chỉ tiêu Nhà nước quy định để tích lũy cho xã hội do ngành xây dựng sáng tạo ra.

2. Giá thành kế hoạch ($Z_{kh} = Z_{dt} - \text{mức hạ giá dự toán}$)

Giá thành kế hoạch cho phép ta xem xét và thấy được chính xác những chi phí phát sinh trong giai đoạn kế hoạch cũng như hiệu quả của các biện pháp kỹ thuật là hạ giá thành dự toán.

Với đơn vị không có giá thành dự toán thì giá thành kế toán được xác định trước khi bước vào kinh doanh trên cơ sở giá thành thực tế năm trước và các định mức kinh tế kỹ thuật tiên tiến của ngành. Bao gồm các chi phí gắn liền với sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo một danh mục thống nhất cho từng ngành sản xuất trên cơ sở hao phí lao động vật chất và giá cả kế hoạch... do vậy bên cạnh giá thành kế hoạch còn xây dựng giá thành định mức không phải cho cả thời kỳ kế hoạch mà trên cơ sở mức hiện hành cho từng giai đoạn của quá trình đó (tháng, quý,...). Điều đó có nghĩa to lớn giúp lãnh đạo doanh nghiệp kịp thời phát triển sớm để phân đấu hạ giá thành.

Nói cách khác giá thành kế hoạch phản ánh trình độ quản lý giá thành của doanh nghiệp xây lắp.

3. Giá thành thực tế: Giá thành thực tế phản ánh toàn bộ các chi phí thực tế để hoàn thành giao khối lượng xây lắp và doanh nghiệp đã nhận thầu. Giá này bao gồm cả phí tổn theo định mức như các khoản thiệt hại trong sản xuất, các khoản bồi chi, lãng phí về vật tư lao động tiền vốn trong quá trình sản xuất và quản lý doanh nghiệp. Giá thành thực tế được xác định theo số liệu kế toán vào cuối thời kỳ kinh doanh.

Giá thành thực tế mang tính chất xã hội. Nhờ việc so sánh giá thành thực tế với giá thành dự toán cho phép ta đánh giá trình độ quản lý của doanh nghiệp xây lắp đó trong mối quan hệ với các doanh nghiệp xây lắp khác. Việc so sánh giá thành thực tế với giá thành kế hoạch cho phép đánh giá sự tiến bộ

hay sự non yếu của doanh nghiệp xây lắp trong điều kiện cụ thể về cơ sở vật chất trình độ tổ chức quản lý của bản thân nó.

b. Phân loại theo phạm vi tính giá thành.

Do quá trình thi công và sản xuất sản phẩm xây lắp kéo dài khối lượng sản phẩm sinh người ta, phân chia giá thành sản phẩm xây lắp thành giá thành hoàn chỉnh và giá thành không hoàn chỉnh.

1. Giá thành hoàn chỉnh: phản ánh toàn bộ chi phí liên quan đến công trình, hạng mục công trình hoàn thành. Hay chính là chi phí chia ra để tiến hành thi công một công trình, hạng mục công trình kể từ khi khởi công cho đến khi kết thúc hoàn thành bàn giao cho bên A.

2. Giá thành không hoàn chỉnh: (giá thành công tác xây lắp thực tế) phản ánh giá thành của một khối lượng công tác xây lắp đạt tới điểm dừng kỹ thuật nhất định, nó cho phép kiểm kê kịp thời chi phí phát sinh để kịp thời điều chỉnh cho thích hợp ở những giai đoạn sau, phát hiện những nguyên nhân gây tăng giảm chi phí.

c. Ngoài ra trong xây dựng cơ bản còn sử dụng hai chỉ tiêu giá thành sau:

1. Giá đấu thầu xây lắp: là một loại giá thành dự toán xây lắp cho chủ đầu tư đưa ra để các doanh nghiệp căn cứ vào tính giá thành của mình (còn gọi là giá thành sự thầu công tác xây lắp).

Giá đấu thầu công tác xây lắp do chủ đầu tư đưa ra về nguyên tắc chỉ bằng hoặc nhỏ hơn giá thành dự toán. Có như vậy chủ đầu tư mới tiết kiệm được vốn đầu tư và hạ giá thấp chi phí về lao động.

2. Giá thành hợp đồng công tác xây lắp: là loại giá thành dự toán xây lắp ghi trong hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp, sau khi thỏa thuận giao nhận thầu.

Về nguyên tắc, giá thành hợp đồng chỉ được nhỏ hơn hoặc bằng giá đấu thầu công tác xây lắp. Việc áp dụng hai loại giá thành xây lắp là một yếu tố quan trọng của việc hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế trong ngành xây dựng.

Tóm lại, sự phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp thực tế phục vụ cho kế toán quản trị. Kế toán quản trị quan tâm đến chi phí và kết quả, làm chức năng thông tin cho nhà quản lý doanh nghiệp và chi phí phát sinh cho từng đối tượng cần quan tâm một cách thường xuyên và giúp cho nhà quản lý so sánh với mức kế hoạch đề ra các quyết định kịp thời.

IV. XÁC ĐỊNH ĐỐI TƯỢNG TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ ĐỐI TƯỢNG TÍNH GIÁ THÀNH

1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất:

Đối tượng tập hợp chi phí và căn cứ xác định đối tượng hạch toán của chi phí.

Công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp có đáp ứng được nhu cầu quản lý của doanh nghiệp hay không còn phụ thuộc vào việc xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

- Căn cứ: Đối tượng tập hợp chi phí được xác định dựa vào các căn cứ sau:

+ Tính chất sản xuất và quy trình công nghệ sản xuất giản đơn hay phức tạp, quy trình công nghệ liên tục hay song song.

+ Loại hình sản xuất đơn chiếc hay hàng loạt.

+ Đặc điểm tổ chức sản xuất.

+ Yêu cầu và trình độ quản lý của doanh nghiệp.

+ Đơn vị tính giá thành trong doanh nghiệp

- Đối tượng : Đối tượng tập hợp chi phí là các loại chi phí được tập hợp trong một thời gian nhất định nhằm phục vụ cho việc kiểm tra phân tích chi phí và giá thành sản phẩm.

Trong sản xuất xây lắp với tính chất phức tạp của quy trình công nghệ và loại hình sản xuất đơn chiếc, thường phân chia thành nhiều đơn vị bộ phận thi công. Nếu thuộc vào công việc cụ thể trình độ quản lý kinh tế của mỗi doanh nghiệp xây lắp cụ thể mà đối tượng hạch toán chi phí khác nhau là hạng mục công trình, đơn đặt hàng, giai đoạn công việc hoàn thành...

Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là khâu đầu tiên cần thiết của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất. Có xác định đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất của doanh nghiệp mới tổ chức được đúng đắn được công tác tập hợp chi phí sản xuất từ khâu hạch toán ban đầu, chuẩn bị đầy đủ các chứng từ gốc, tập hợp số liệu, tổ chức mở sổ sách tài khoản theo đúng đối tượng tập hợp chi phí đã xác định.

Việc tập hợp chi phí sản xuất đúng đối tượng có tác dụng phục vụ tốt cho việc tăng cường quản lý sản xuất và chi phí sản xuất, cho việc hạch toán chi phí nội bộ và hạch toán kinh tế toàn công ty, phục vụ cho công tác tính giá thành kịp thời chính xác.

2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Trong xây dựng cơ bản do tổ chức sản xuất mang tính đơn chiếc, mỗi sản phẩm xây lắp đều phải có một dự toán và thiết kế riêng nên đối tượng tính giá thành trong xây dựng cơ bản dựa vào những căn cứ sau:

- Căn cứ để xác định đối tượng tính giá thành: xác định đối tượng tính giá thành là công việc đầu tiên trong toàn bộ công tác tính giá thành của kế toán. Doanh nghiệp phải căn cứ vào đặc điểm sản xuất sản phẩm hàng hoá mà doanh nghiệp đã tiến hành căn cứ vào tính chất sản xuất và đặc điểm cung cấp sử dụng của từng loại sản phẩm mà xác định giá thành thích hợp.

Trước hết ta phải xem xét doanh nghiệp tổ chức hoạt động như thế nào. Nếu sản phẩm đơn chiếc thì đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm, từng công việc hoàn thành. Nếu sản xuất hàng loạt thì đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành như khai thác cát đá sỏi, sản xuất cấu kiện bê tông...

- Đối tượng tính giá thành: Theo những căn cứ nêu trên đối tượng tính giá thành chính là giai đoạn công việc hoàn thành, hạng mục công trình hay công trình hoàn thành.

Việc xác định đối tượng tính giá thành là căn cứ để kế toán mở các phiếu tính giá thành sản phẩm lập theo từng đối tượng phục vụ cho quá trình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm.

- Kỳ tính giá thành: Là mốc thời gian bộ phận kế toán giá thành phải tổng hợp số liệu để tính giá thành thực tế cho các đối tượng tính giá thành.

Cụ thể kỳ tính giá thành trong xây dựng cơ bản sẽ phụ thuộc vào đặc điểm tổ chức sản xuất, chu kỳ sản xuất và hình thức nghiệm thu ban giao khối lượng sản phẩm hoàn thành.

Ví dụ: + Với doanh nghiệp chu kỳ sản xuất ngắn thì kỳ tính giá thành là tháng (doanh nghiệp khai thác cát đá sỏi, panel...)

+ Với doanh nghiệp sản phẩm là công trình vật kiến trúc thì kỳ tính giá thành là thời gian mà sản phẩm xây lắp được gọi là hoàn thành và nghiệm thu bàn giao thanh toán cho bên A.

B. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

I. HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP.

1. Trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp.

Trình tự hạch toán chi phí sản xuất là thứ tự các bước công việc cần tiến hành nhằm tập hợp chi phí sản xuất để phục vụ cho việc tính giá thành công trình được kịp thời tính chất và đặc điểm sản xuất của từng ngành.

Đối với ngành xây dựng cơ bản việc tập hợp chi phí sản xuất được tập hợp qua các bước sau:

Bước 1: Tập hợp các chi phí cơ bản có liên quan trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình.

Bước 2: Tính toán và phân bổ lao vụ của ngành sản xuất kinh doanh phụ có liên quan trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình trên cơ sở khối lượng lao vụ phục vụ và đơn vị giá thành lao vụ.

Bước 3: Tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình có liên quan theo tiêu thức phù hợp.

Bước 4: Xác định chi phí dở dang cuối kỳ. Từ đó tính giá thành hoàn thành.

Ở đây công ty chỉ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo phương pháp kê khai thường xuyên còn phương pháp kiểm kê định kỳ thì doanh nghiệp lại đưa vào để xác định sản phẩm dở dang cuối kỳ.

2. Hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp kê khai thường xuyên để phản ánh hàng tồn kho là phương pháp phản ánh một cách thường xuyên liên tục tình hình biến động tăng giảm của các loại hàng tồn kho vào các tài khoản thích ứng. Bởi vậy tại bất kỳ một thời điểm nào, người quản lý cũng có thể biết được tình hình hiện có, biến động tăng giảm của từng loại hàng tồn kho.

Các doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn thường áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

2.1. Tài khoản kế toán sử dụng.

+ TK 621 - chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tài khoản này dùng để tập hợp chi phí nguyên vật liệu dùng cho sản xuất phát sinh trong kỳ, cuối kỳ kết chuyển sang tài khoản tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ: - Giá thực tế nguyên vật liệu dùng trực tiếp cho sản xuất để tạo ra sản phẩm.

Bên Có: - Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu vào TK 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

- Giá trị thực tế nguyên vật liệu sử dụng không hết nhập kho.

TK 621 cuối kỳ không có số dư. TK này mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

+ TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp.

TK này dùng để tập hợp về kết chuyển chi phí tiền công của từng công nhân trực tiếp sản xuất vào tài khoản tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành.

Bên Nợ: - Chi phí nhân công trực tiếp trong kỳ

Bên Có: - Kết chuyển chi phí công nhân trực tiếp vào TK 154

TK 622 cuối kỳ không có số dư. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

+TK623:Chi phí sử dụng máy thi công.

Tài khoản này dùng để tập hợp và k/c chi phí sử dụng máy thi công của từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình) bao gồm: chi phí vật liệu, tiền lương, tiền công của công nhân điều khiển & phục vụ máy thi công & các chi phí khác liên quan đến bộ phận máy thi công trong từng đội (chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa máy thi công thuê ngoài, điện, nước, chi phí bằng tiền khác...).

Bên Nợ: - Chi phí sử dụng máy thi công phát sinh trong kỳ.

Bên Có: - Kết chuyển Chi phí sử dụng máy thi công vào TK 154.

TK 623 cuối kỳ không có số dư. TK này dùng được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

+ TK 627: - Chi phí sản xuất chung

Tài khoản này để tập hợp toàn bộ các chi phí liên quan đến việc phục vụ, quản lý, chế tạo sản phẩm phát sinh trong các phân xưởng, bộ phận, tổ đội sản xuất.

Bên nợ: - Tập hợp chi phí sản xuất chung trong kỳ

Bên có: - Phân bổ vào TK 154

TK 627 cũng như TK 623, TK 622 và TK 621 cuối kỳ không có số dư.

+ TK 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

TK 154 được sử dụng để tập hợp chi phí trong kỳ liên quan đến sản xuất chế tạo sản phẩm phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm. Ngoài ra TK 154 còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh phụ, thuê ngoài gia công tự chế.

Bên nợ: - Chi phí sản xuất chế tạo sản phẩm trong kỳ

Bên có: - Giá trị phế liệu thu hồi, sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

Dư nợ: - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ

TK 154 được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất (theo địa điểm phát sinh từng công trình, hạng mục công trình...)

2.2. Trình tự hạch toán

a. Hạch toán tập hợp chi phí sản xuất

+ Hạch toán khoản mục chi phí vật liệu vào TK 621: Khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm các giá trị thực tế của nguyên vật liệu, nhiên liệu các cấu kiện, bộ phận rời lẻ, vật liệu luân chuyển cần thiết. Khi vật tư mua về nhập kho trên cơ sở hoá đơn của người bán, cán bộ cung ứng tiến hành lập các phiếu nhập kho. Giá thực tế vật tư được đánh giá theo giá phí thực tế kế toán hạch toán theo đúng giá thực tế nhập, xác định theo chứng từ nhận được. Kế toán ghi:

Nợ TK 152, 153: Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Nợ TK 133: Thuế VAT

Có TK 331: Phải trả người bán

Có TK 111, 112: Nếu mua trả ngay cho người bán.

Trường hợp các đơn vị thi công mua vật tư thì chứng từ gốc là hoá đơn kiêm phiếu xuất kho của người bán. Phiếu xuất kho và chứng từ liên quan như hoá đơn vận chuyển tạo thành bộ chứng từ được chuyển về phòng kế toán làm số liệu hạch toán.

Dựa vào phiếu xuất kho, hoá đơn kiêm phiếu xuất kho, phiếu xuất kho di chuyển nội bộ (nếu xuất vật liệu di chuyển nội bộ) kế toán ghi:

Nợ TK 621: chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 152, 142, 111, 112: Vật liệu xuất kho hoặc mua ngoài

Nếu nhập lại kho nguyên vật liệu, giá trị vật liệu còn có thể sử dụng hết, giá trị phế liệu thu hồi, kế toán ghi:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Có TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Trong xây dựng cơ bản, cũng như các ngành khác là vật liệu sử dụng cho công trình, hạng mục công trình nào thì phải được tính trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Việc phân bổ chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được thực hiện theo công thức sau:

$$C_i = \frac{C}{T} \times T_i$$

Trong đó :

C: Tổng chi phí nguyên vật liệu cần phải bổ

T: Tổng tiêu thức phân bổ

C_i: Phần chi phí cần phân bổ cho đối tượng thứ i

T_i: Tiêu thức phân bổ thứ i.

Cuối kỳ căn cứ vào giá trị kết chuyển hoặc phân bổ nguyên vật liệu cho từng hạng mục, kế toán ghi vào khoản mục chi phí vật liệu bằng bút toán sau:

Nợ TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết cho từng hạng mục công trình.

Có TK 621: Chi phí cho từng đối tượng.

+ Hạch toán khoản mục chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp hạch toán vào TK 622 - chi phí nhân công trực tiếp:

Chi phí nhân công trực tiếp là khoản tiền lương tiền công trả cho số người lao động thuộc danh sách do DN quản lý và lao động thời vụ thuê ngoài theo từng loại công việc cụ thể, chi tiết theo từng đối tượng sản xuất :

Căn cứ vào số tiền lương, tiền công phải trả cho từng hạng mục công trình, kế toán ghi:

Nợ TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 334(1): Phải trả cho công nhân thuộc danh sách.

Có TK liên quan (3342,111....):Trả cho lao động thuê ngoài .

Trường hợp tạm ứng chi phí để thực hiện giá trị khoán xây lắp nội bộ (bộ phận nhận khoán không tổ chức công tác kế toán riêng)., Khi quyết toán tạm ứng về khối lượng xây lắp nội bộ hoàn thành đã bàn giao được duyệt, kế toán ghi nhận chi phí nhân công trực tiếp:

Nợ TK 622(chi tiết đối tượng).

Có TK 141(3) :Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp.

- Trích tiền lương BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định kế toán không phản ánh vào TK 622 như ở các DN thông thường mà phản ánh ở TK 627-Chi phí sản xuất chung.

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào hạng mục:

Nợ TK 154(1): Chi tiết công trình, hạng mục công trình.

Có TK 622: Chi tiết công trình, hạng mục công trình

+ Hạch toán khoản mục chi phí máy thi công:

Do đặc điểm hoạt động của máy thi công trong xây dựng cơ bản mà chi phí sử dụng máy thi công ra làm hai loại:

- Chi phí tạm thời: Là những chi phí có liên quan đến việc lắp, tháo, chạy thử, vận chuyển, di chuyển máy móc phục vụ sử dụng máy thi công.

Chi phí tạm thời của máy móc có thể hạch toán vào tài khoản 1421 - Chi phí trả trước sau đó sẽ phân bổ dần vào chi phí sử dụng máy từng thời kỳ theo tiêu thức thời gian sử dụng bên nợ của TK 154 - Khoản mục chi phí sử dụng máy.

- Chi phí thường xuyên: Là những chi phí hàng ngày cần thiết cho việc sử dụng máy móc thi công bao gồm tiền khấu hao thiết bị, tiền thuê xe máy, lương chính của công nhân điều khiển phục vụ máy, nhiên liệu, động lực, vật liệu khác dùng cho máy, phí tổn sửa chữa thường xuyên và các chi phí khác.

Trong chi phí sử dụng máy thi công bao gồm các khoản sau: Lương công nhân vận chuyển, phân phối vật liệu cho máy, chi phí trong thời gian máy ngừng sản xuất, chi phí lắp đặt lần đầu máy thi công, chi phí sử dụng máy trong sản xuất phụ.

Việc hạch toán chi phí máy thi công phụ thuộc vào hình thức sử dụng máy thi công, tổ chức đội máy thi công thực hiện khối lượng thi công bằng máy hoặc giao máy cho đối tượng xây lắp.

+ Trường hợp đơn vị tổ chức đội máy thi công riêng: Trường hợp này máy thi công thuộc tài sản của bản thân doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể tổ chức đội, tổ thi công, khối lượng xây lắp bằng máy trực thuộc doanh nghiệp, công trường hoặc đội xây lắp.

Hạch toán chi phí sử dụng máy trong trường hợp này phản ánh toàn bộ chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình máy thi công. (Đội thi công cơ giới chuyên trách có thể là đơn vị hạch toán nội bộ). Toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến đội máy thi công được tập hợp riêng trên các TK 621, 622, 627, chi tiết đội máy thi công. Cuối kỳ, tổng hợp chi phí vào TK 154 (154(3) Chi tiết đội máy thi công) để tính giá thành ca máy (hoặc giờ máy). Từ đó, xác định giá trị mà đội máy thi công phục vụ cho từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình ...) theo giá thành ca máy (hoặc giờ máy) và khối lượng dịch vụ (số ca máy, giờ máy) phục vụ cho từng đối tượng. Cụ thể:

- Nếu các bộ phận trong DN không tính toán kết quả riêng mà thực hiện phương thức cung cấp lao vụ máy lẫn nhau:

Nợ TK 623: Giá trị của đội máy thi công phục vụ cho các đối tượng.

Có TK 154(154(3). Chi tiết đội máy thi công): Giá thành dịch vụ của đội máy thi công phục vụ cho các đối tượng.

-Nếu các bộ phận trong DN xác định kết quả riêng(DN thực hiện phương thức bán lao vụ máy lẫn nhau):

Nợ TK 632: Giá trị phục vụ lẫn nhau trong nội bộ.

Có TK 154(1543 Chi tiết đội máy thi công):Giá thành dịch vụ của đội máy thi công phục vụ cho các đối tượng trong nội bộ.

Đồng thời ,kế toán phản ánh giá bán nội bộ về chi phí sử dụng máy cung cấp lẫn nhau:

Nợ TK 623: Giá bán nội bộ.

Nợ Tk133(1) :Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ(nếu có)

Có TK 512: Doanh thu tiêu thụ nội bộ.

Có TK 3331(33311) : Thuế đầu ra phải nộp (nếu có).

-Nếu đội máy thi công có phục vụ bên ngoài :

BT1) Phản ánh giá vốn dịch vụ bán ra ngoài :

Nợ TK 632: Giá vốn phục vụ bên ngoài

Có TK154(1543.Chi tiết đội máy thi công): Giá thành dịch vụ của đội máy thi công phục vụ cho các đối tượng bên ngoài:

BT2) Phản ánh giá bán cho các đối tượng bên ngoài:

Nợ TK liên quan (131,111,112.....): Tổng giá thanh toán.

Có TK 511:Doanh thu bán hàng.

Có TK 3331(33311): Thuế GTGT đầu ra phải nộp.

+Trường hợp đội xây lắp có máy thi công riêng:

Các chi phí liên quan đến máy thi công được tập hợp riêng ,cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ theo từng đối tượng (công trình,hạng mục công trình):

Tập hợp chi phí vật liệu:

Nợ TK 623(6232).

Có Tk liên quan(152,111,112....)

Tập hợp chi phí tiền lương ,tiền công của công nhân điều khiển và phục vụ máy thi công :

Nợ 623(6231)

Có TK liên quan (3341,3342,111.....)

Các chi phí liên quan đến bộ phận máy thi công trong từng đội(chi phí khấu hao ,chi phí sửa chữa máy thi công thuê ngoài,điện,nước,chi phí bằng tiền khác.....):

Nợ TK 623 (Chi tiết tiểu khoản).

Nợ TK 133(1) Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ(nếu có)

Có TK liên quan(214,152,111,112.....).

Trường hợp tạm ứng chi phí để thực hiện giá trị khoán xây lắp nội bộ(bộ phận nhận khoán không tổ chức công tác kế toán riêng), khi quyết toán tạm ứng về khối lượng xây lắp nội bộ hoàn thành đã bàn giao được duyệt ,kế toán ghi nhận chi phí sử dụng máy thi công:

Nợ Tk 623.

Có TK 141(1413):Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công .

Kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho đối tượng (công trình, hạng mục công trình) vào cuối kỳ:

Nợ TK 154(1541.Chi tiết chi phí sử dụng máy thi công)

Có TK 623: Kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sử dụng máy thi công

+ Đơn vị không tổ chức đội máy thi công riêng: Máy thi công được sử dụng cho từng đội xây dựng, công trình để thực hiện khối lượng thi công. Việc hạch toán khoản mục chi phí máy thi công như sau:

- Xuất mua nguyên vật liệu phục vụ máy thi công ghi:

Nợ TK 621

Nợ TK 133

Có TK 152, 153, 142, 111, 11 2

- Lương phải trả cho công nhân vận hành máy thi công:

Nợ TK 622: chi phí máy thi công

Có TK 334:

- Khấu hao máy thi công, sửa chữa bảo dưỡng máy.

Nợ TK 627

Có TK 214, 112, 111

- Cuối kỳ kết chuyển hoặc tính phân bổ chi phí sử dụng máy cho từng công trình, hạng mục

Nợ TK 154: Chi tiết cho từng hạng mục công trình

Có TK 621, 622, 627: chi phí máy thi công

+ Trường hợp đơn vị thi công đi thuê máy: Trường hợp này máy thi công thuê theo khối lượng công việc. Bên thuê máy chỉ phải trả tiền cho bên thuê theo hoá đơn giá thoả thuận với khối lượng công việc máy đã hoàn thành.

Toàn bộ chi phí thuê máy thi công tập hợp vào TK 623.

- Khi trả tiền thuê máy kế toán ghi:

Nợ TK 623(6237): Giá thuê chưa thuế.

Nợ TK133(1):

Có TK 111, 112, 331.

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí thuê máy thi công vào khoản mục chi phí sử dụng máy:

Nợ TK 154(1) Chi tiết chi phí sử dụng máy thi công

Có TK 623(7): chi phí máy thi công

+ Hạch toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí trực tiếp phục vụ cho sản xuất của đội, công trình xây dựng nhưng không được tính trực tiếp cho từng đối tượng cụ thể. Chi phí sản xuất chung trong từng đội xây lắp bao gồm lương

nhân viên quản lý đội : Trích BHXH,BHYTE,KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tổng số lương CN VC của đội ,khấu hao TSCĐ dùng chung cho đội ,Chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác .Kế toán theo dõi chi tiết chi phí theo từng đội xây lắp.

Phản ánh tiền lương ,tiền công ,phụ cấp phải trả cho nhân viên quản lý đội ,tiền ăn ca của toàn bộ CNV trong đội:

Nợ 627(1):

Có 334.

Trích KPCĐ,BHXH,BHYTE trên tổng số tiền lương phải trả cho toàn bộ CNV trong đội :

Nợ TK627(1)

Có TK 338(3382,3383,3384)

Tập hợp chi phí vật liệu,dụng cụ xuất dùng cho từng đội xây dựng:

Nợ TK 627(6272,6273)

Có TK liên quan (152,153...)

Trích KH máy móc ,thiết bị sử dụng cho từng đội :

Nợ TK 627(4)

Có TK214

Các khoản CP SXC khác PS (điện ,nước ,sửa chữa TSCĐ....)

Nợ TK627

Nợ Tk133

Có TK liên quan (111,112...)

Các khoản thu hồi ghi giảm CP SXC:

Nợ TK liên quan(152,112...)

Có TK 627

Khi phát sinh các chi phí sản xuất thì kế toán sẽ hạch toán vào TK 627 - chi phí sản xuất chung, kế toán ghi:

Nợ TK 627

Có TK 334, 338, 335, 214, 152, 153, 142, 111, 112

Cuối kỳ hạch toán, kế toán kết chuyển và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các hạng mục công trình, công trình có liên quan.

Nợ TK 154

Có TK 627

- Đối với các đơn vị thi công bằng biện pháp thủ công (hoặc bằng máy) thì chi phí sản xuất chung được phân bổ tỉ lệ với tiền lương chính của công nhân sản xuất (hoặc tỉ lệ với chi phí máy sử dụng thực tế) của từng công trình, hạng mục công trình.

- Đối với các đơn vị thi công bằng biện pháp hỗn hợp thì được phân bổ tỉ lệ với tiền lương chính của công nhân sản xuất và chi phí sử dụng máy thực tế.

$$\text{Chi phí chung phân bổ CT HMCT} = \frac{\sum \text{CP chung phải phân bổ}}{\text{tiền lương chính} + \text{CF máy}} \times \frac{\text{Tiền lương chính của công nhân sản xuất và chi phí máy công trình}}{\text{tiền lương chính của công nhân sản xuất và chi phí máy công trình}}$$

Trong thực tế nếu quá trình thi công xây lắp không thể tách biệt một cách rõ ràng từng phần việc thi công thì việc phân bổ chi phí chung có thể tỉ lệ với chi phí chung trong dự toán công trình, hạng mục công trình.

- Phản ánh số ghi giảm chi phí sản xuất chung:

Nợ TK 111, 138

Có TK 627

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí sản xuất chung vào giá thành sản phẩm

Nợ TK 154 - Chi tiết cho từng công trình

Có TK 627 - chi tiết cho từng khoản mục

+ Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp mang tính chất gián tiếp phục vụ cho quản lý hành chính bao gồm tiền lương chính, phục của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu, văn phòng, công cụ lao động khấu hao TSCĐ... Khi có các chi phí này phát sinh sẽ được ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

(chi tiết theo nội dung chi)

Có TK 334, 338, 152, 153, 142, 214, 333, 139, 159, 335, 111, 112

Chi tiết các khoản chi phí mang tính chất chung toàn doanh nghiệp này được tập hợp trên tài khoản 642 chi tiết theo từng nội dung chi. Cuối kỳ căn cứ vào tổng chi phí quản lý doanh nghiệp đã tập hợp bên nợ TK 642 để kết chuyển sang TK 911 nhằm xác định kết quả kinh doanh xây lắp.

Căn cứ vào tổng chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh thực tế tính đến cuối kỳ hạch toán vào sổ chi phí đầu kỳ của TK 1422 - chi phí chờ kết chuyển tính và phân bổ theo công thức sau:

Chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ cho giá khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ	=	\sum chi phí quản lý	Chi phí quản lý DN để lại	x	Gía trị khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ
		DN phát sinh thực tế	+ cuối kỳ (số dư nợ		
			TK 1422 đầu kỳ)		
		<hr/>			
		Giá trị khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ	Giá thành sản xuất khối lượng xây lắp		
		hạch toán (dư nợ TK 154 cuối kỳ)	+ hoàn thành bàn giao trong kỳ		

$$\begin{array}{ccccccc}
\text{Chi phí QLDN} & & \text{Tổng chi} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí} \\
\text{tính cho giá} & & \text{phí QLDN} & & \text{QLDN để} & & \text{QLDN} \\
\text{thành sản xuất} & & \text{phát sinh} & + & \text{lại cuối kỳ} & - & \text{phân bổ} \\
\text{xây lắp của} & = & \text{thực tế đến} & & \text{trước} & & \text{cho giá trị} \\
\text{khối lượng xây} & & \text{cuối kỳ} & & & & \text{khối lượng} \\
\text{lắp hoàn thành} & & \text{hạch toán} & & & & \text{xây lắp dở} \\
\text{bàn giao trong} & & & & & & \text{đang cuối} \\
\text{kỳ} & & & & & & \text{kỳ}
\end{array}$$

Căn cứ vào kết quả tính toán và phân bổ về chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho khối lượng xây lắp dở dang và hoàn thành cuối kỳ:

Nợ TK 911: Xác định kết quả

Có TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 1422: Chi phí chờ kết chuyển

+ Hạch toán sản phẩm dở dang trong doanh nghiệp xây lắp

Sản phẩm dở dang trong sản xuất xây dựng được xác định bằng phương pháp kiểm kê. Việc tính giá thành sản phẩm dở dang trong sản xuất xây dựng phụ thuộc vào phương thức thanh toán, khối lượng công tác xây lắp hoàn thành giữa người nhận thầu và người giao thầu.

Giá trị sản phẩm dở dang được đánh giá theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của hạng mục công trình đó cho các giai đoạn, tổ hợp công việc đã hoàn thành và giai đoạn còn dở dang theo giá trị dự toán của chúng.

$$\begin{array}{ccccccc}
\text{Chi phí} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí thực tế} & & \text{Chi phí} \\
\text{thực tế} & & \text{Khối lượng XL} & + & \text{khối lượng XL} & & \text{khối} \\
\text{KL xây} & = & \text{Dở dang đầu kỳ} & & \text{thực hiện trong kỳ} & \times & \text{lượng xây} \\
\text{lắp dở} & & \text{Chi phí khối lượng} & & \text{Chi phí khối lượng} & & \text{lắp dở} \\
\text{đang} & & \text{xây lắp hoàn thành} & + & \text{dở dang cuối kỳ} & & \text{đang cuối} \\
\text{cuối kỳ} & & \text{trong kỳ theo dự toán} & & \text{Theo dự toán} & & \text{kỳ theo} \\
& & & & & & \text{dự toán}
\end{array}$$

C. Tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp

Hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp thực hiện ở TK 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Trên tài khoản này các chi phí trực tiếp xây lắp công trình gồm vật liệu, nhân công sử dụng máy thi công,... được hạch toán theo từng đối tượng tập hợp chi phí là công trình hay các hạng mục công trình. Quá trình hạch toán tổng hợp thể hiện trên bảng tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành.

Để tính giá thành sản phẩm có thể áp dụng nhiều phương pháp tính giá khác nhau, phụ thuộc vào đối tượng hạch toán chi phí và đối tượng tính giá thành sản phẩm. Trong xây dựng cơ bản, sản phẩm cuối cùng là các công trình, hạng mục công trình được xây dựng xong và đưa vào sử dụng. Nhiệm vụ của

hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành là phải tính đúng được giá thành của từng sản phẩm đó.

Giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành được xác định trên cơ sở tổng cộng các chi phí phát sinh từ lúc khởi công đến khi hoàn thành ở thẻ chi tiết chi phí sản xuất. Tuy nhiên do đặc điểm sản xuất xây dựng mà phương thức thanh toán khối lượng hoàn thành khác nhau.

Vì vậy ngoài việc tính giá thành các hạng mục công trình xây lắp hoàn thành, còn phải tính giá thành khối lượng công tác xây lắp đã hoàn thành và bàn giao trong kỳ. Giá thành công tác xây lắp trong kỳ được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Z công tác} & & \text{CFSXKD} & & \text{CFSXKD} & & \text{CFSXKD} \\ \text{xây lắp} & = & \text{dở dang} & + & \text{phát sinh} & - & \text{dở dang} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trình tự hạch toán:

- Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán ghi:

Nợ TK 154

Có TK 621

- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp:

Nợ TK 154

Có TK 622

- Kết chuyển chi phí máy thi công

Nợ TK 154

Có TK 623

- Kết chuyển chi phí sản xuất chung

Nợ TK 154

Có TK 627

Sản phẩm hoàn thành và xác định được giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Ta có bút toán:

Nợ TK 632

Có TK 154

Cuối kỳ kết chuyển tổng giá thành sản phẩm xây lắp đồng thời kết chuyển chi tiết theo từng hạng mục để xác định kết quả kinh doanh và để xác định giá thành toàn bộ của sản phẩm xây lắp.

Nợ TK 911: Chi tiết theo hạng mục công trình

Có TK 632

Chi phí quản lý doanh nghiệp cuối kỳ sẽ được kết chuyển và phân bổ xác định kết quả kinh doanh xây lắp bằng bút toán:

Nợ TK 911

Có TK 642, 1422

Bên nợ TK 911 phản ánh giá thành toàn bộ sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ (theo hạng mục công trình hoặc từng bộ phận xây lắp).

Phần thứ hai
**THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI CÔNG TY CƠ GIỚI
VÀ XÂY LẮP 13**

I. NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA CÔNG TY CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP SỐ 13

1. Đặc điểm, lịch sử hình thành và phát triển của công ty.

Công ty cơ giới và xây lắp 13 trực thuộc Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng - LICOGI là một doanh nghiệp nhà nước chuyên ngành xây dựng công nghiệp, xử lý móng công trình, xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, lắp máy, sản xuất vật liệu xây dựng.

Công ty được thành lập năm 1961 với tên gọi: "Đội thi công cơ giới". Từ khi thành lập đội thi công cơ giới đã thi công những công trình lớn nhất lúc đó: hệ thống Bắc Hưng Hải, Nhiệt điện Lao Cai... cùng với sự phát triển của đất nước đáp ứng thực hiện những công trình lớn hơn năm 1965 đội thi công cơ giới được đổi thành công trường cơ giới số 57 rồi đổi thành Xí nghiệp thi công cơ giới (năm 1980). Ngày 20/2/1993 đơn vị được thành lập lại theo quyết định số 054A Bộ xây dựng có tên là xí nghiệp cơ giới xây lắp số 13 thuộc liên hiệp xí nghiệp thi công cơ giới. Và đến ngày 2/1/1996, Bộ xây dựng có QĐ số 01 đổi thành công ty cơ giới và xây lắp số 13 trực thuộc Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng - LICOGI.

Trụ sở công ty cơ giới và xây lắp số 13: Đường Bê tông - Phường Nhân Chính - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

Bên cạnh ngành nghề truyền thống là san lấp mặt bằng xây dựng để đáp ứng yêu cầu thị trường hiện nay công ty đã mở rộng lĩnh vực kinh doanh của mình gồm xây dựng các công trình xây dựng dân dụng, các công trình công nghiệp nhóm B, xây lắp các công trình giao thông (cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng), xây lắp đường dây và trạm biến áp, sản xuất cấu kiện bê tông và bê tông thương phẩm, sản xuất gạch Block, tấm lợp màu các loại.

Hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, tập thể lãnh đạo cán bộ công nhân viên của công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, đưa công ty trở nên lớn mạnh vững vàng. Công ty cơ giới và xây lắp số 13 có số vốn kinh doanh cũng khá lớn

Đơn vị: đồng

Tổng số vốn	20.355.545.107
Vốn ngân sách cấp	4.202.336.580
Vốn tự bổ sung	12.870.825.898
Vốn khác	3.282.382.629

Với số vốn như vậy công ty có nhiều điều kiện để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ Nhà nước giao, đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh. Một số chỉ

tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sau phản ánh phần nào sự phát triển của công ty cơ giới và xây lắp 13.

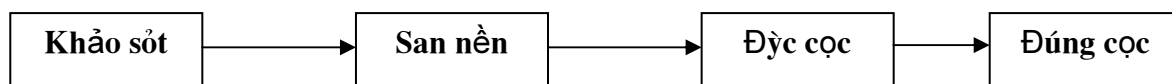
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004
Sản lượng thực hiện	35.274.740.000	15.989.420.000	16.538.537.798
Doanh thu	32.084.435,498	19.925.128.886	27,944.175.467
Tổng lợi tức trước thuế	259.671.065	46.262.700	0
Lợi tức sau thuế	194.753.065	34.697.100	0
Nộp ngân sách NN	1.531.161.822	0	320.038.851
Nộp cấp trên	372.756.500	0	146.842.000

2. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh.

Công ty cơ giới và xây lắp số 13 tổ chức hoạt động với một số ngành nghề kinh doanh trong đó chủ yếu là san lấp mặt bằng, thầu xây dựng gạch vật liệu. Với đặc điểm riêng của sản phẩm xây dựng, nó tác động trực tiếp lên công tác tổ chức quản lý. Quy mô công trình xây dựng rất lớn, sản phẩm mang tính đơn chiếc, thời gian sản xuất kéo dài, chủng loại yếu tố đầu vào đa dạng đòi hỏi phải có một nguồn vốn đầu tư lớn. Để đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này, một yêu cầu bắt buộc đối với các đơn vị xây dựng là phải lập lên mức giá dự toán (dự toán thiết kế và dự toán thi công). Trong quá trình sản xuất thi công, giá dự toán trở thành thước đo và được so sánh với các khoản chi phí thực tế phát sinh. Sau khi hoàn thành công trình giá dự toán lại cơ sở để nghiệm thu, kiểm tra chất lượng công trình, xác định giá thành quyết toán công trình và thanh lý hợp đồng kinh tế ký kết.

Bên cạnh sự tác động của đặc điểm sản phẩm xây dựng thì việc tổ chức sản xuất quản lý sản xuất, hạch toán kế toán các yếu tố đầu vào còn chịu ảnh hưởng của quy trình công nghệ. Hiện nay công ty đang áp dụng quy trình công nghệ chủ yếu sau:



Trên cơ sở nắm chắc các quy trình công nghệ của công ty sẽ giúp cho việc tổ chức quản lý và hạch toán các yếu tố chi phí đầu vào hợp lý, tiết kiệm chi phí không cần thiết, theo dõi từng bước quá trình tập hợp chi phí sản xuất đến giai đoạn cuối cùng. Từ đó góp phần làm giảm giá thành một cách đáng kể, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Là một doanh nghiệp Nhà nước, công ty cơ giới và xây lắp 13 thuộc Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng, hoạt động với đầy đủ tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, có bộ máy kế toán, sổ kế toán riêng. Với tư cách pháp nhân công ty có thể đứng ra vay vốn, thay mặt đơn vị sản xuất

cấp dưới nhận thầu xây dựng, ký kết các hợp đồng kinh tế phát sinh giữa công ty với Nhà nước và giữa công ty với các đơn vị đấu thầu. Trên cơ sở các hợp đồng kinh tế này công ty tiến hành giao khoán cho nhiều đơn vị sản xuất thi công cấp dưới.

Có ba đội xe máy thuộc bộ phận cơ giới gồm:

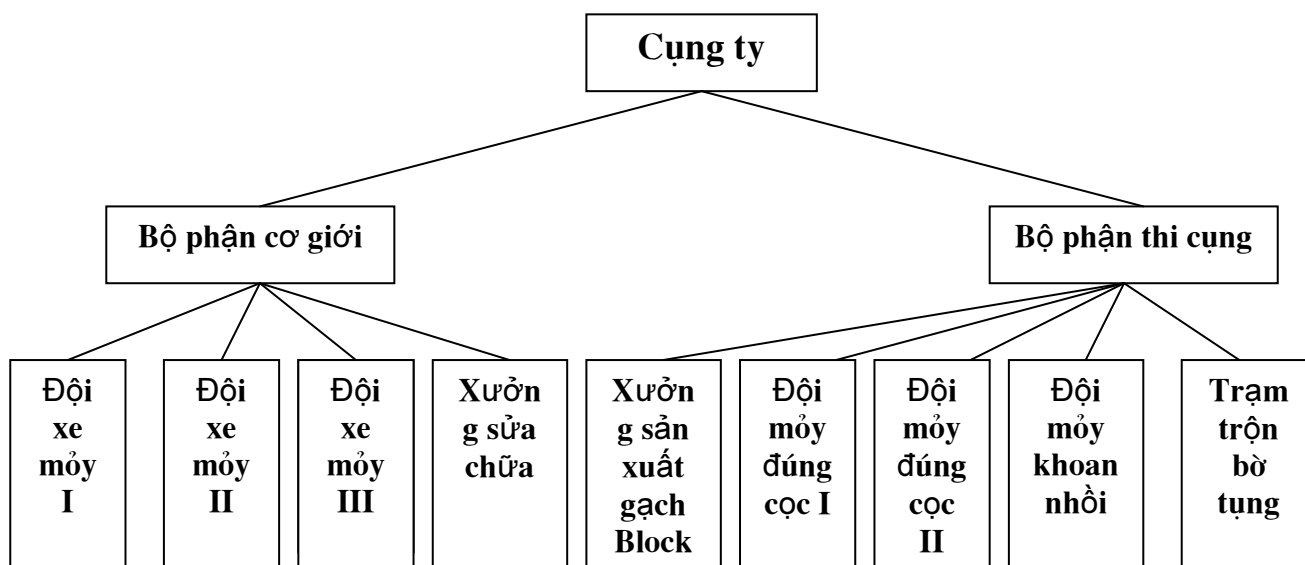
1. Đội xe máy I
2. Đội xe máy II
3. Đội xe máy III

Có ba đội đóng cọc thuộc bộ phận thi công gồm:

1. Đội máy đóng cọc I
2. Đội máy đóng cọc II
3. Đội máy đóng cọc III

Ngoài ra còn có một trạm trộn bê tông, một xưởng sửa chữa và một xưởng sản xuất gạch Block. Mỗi đơn vị được phân công nhiệm vụ cụ thể và luôn cố gắng đảm bảo thi công các công trình theo hợp đồng đã ký kết. Ta có thể khái quát tổ chức hệ thống kinh doanh của công ty qua sơ đồ sau:

Sơ đồ tổ chức hoạt động kinh doanh

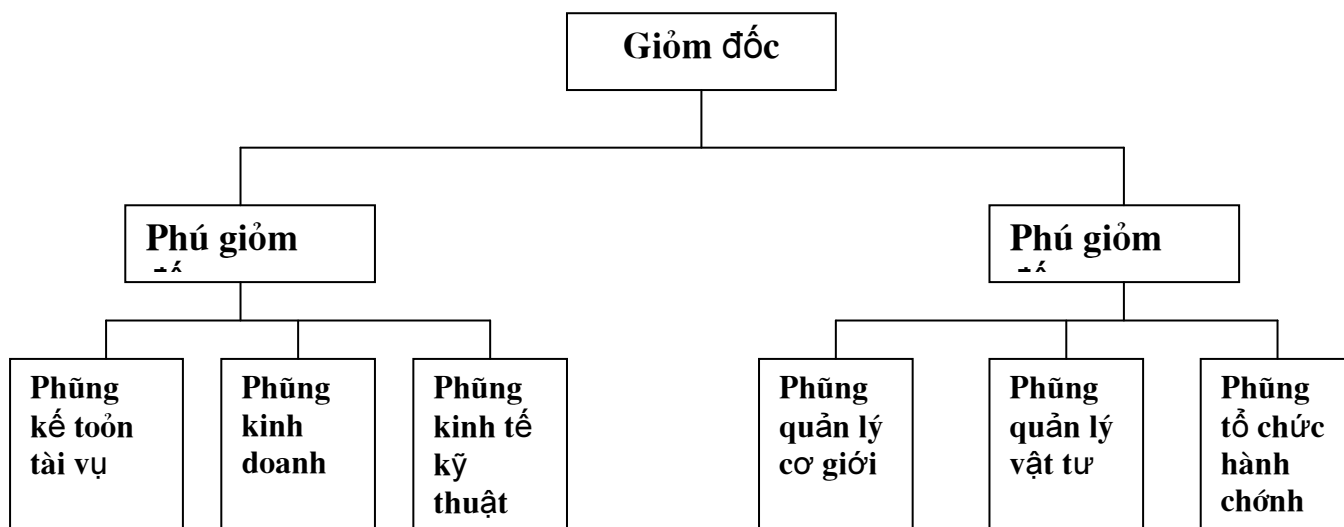


3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý và bộ máy kế toán của công ty.

Để phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh trong cơ chế thị trường phù hợp với khả năng của cán bộ và nhân viên quản lý. Bộ máy quản lý của công ty gồm: Phòng kế toán tài vụ, phòng kinh doanh, phòng kinh tế kỹ thuật, phòng quản lý cơ giới, phòng quản lý vật tư, phòng tổ chức hành chính. Các phòng ban có chức năng nhiệm vụ riêng, cung cấp các thông tin số liệu, kiểm tra việc chấp hành các qui định, chỉ tiêu, chế độ chính sách đề ra và đưa ra các giải pháp giúp cho ban giám đốc lựa chọn một cách đúng đắn nhất. Ngoài ra giúp việc cho

giám đốc là hai phó giám đốc. Có thể khái quát bộ máy quản lý của công ty qua sơ đồ sau:

Sơ đồ quản lý bộ máy công ty



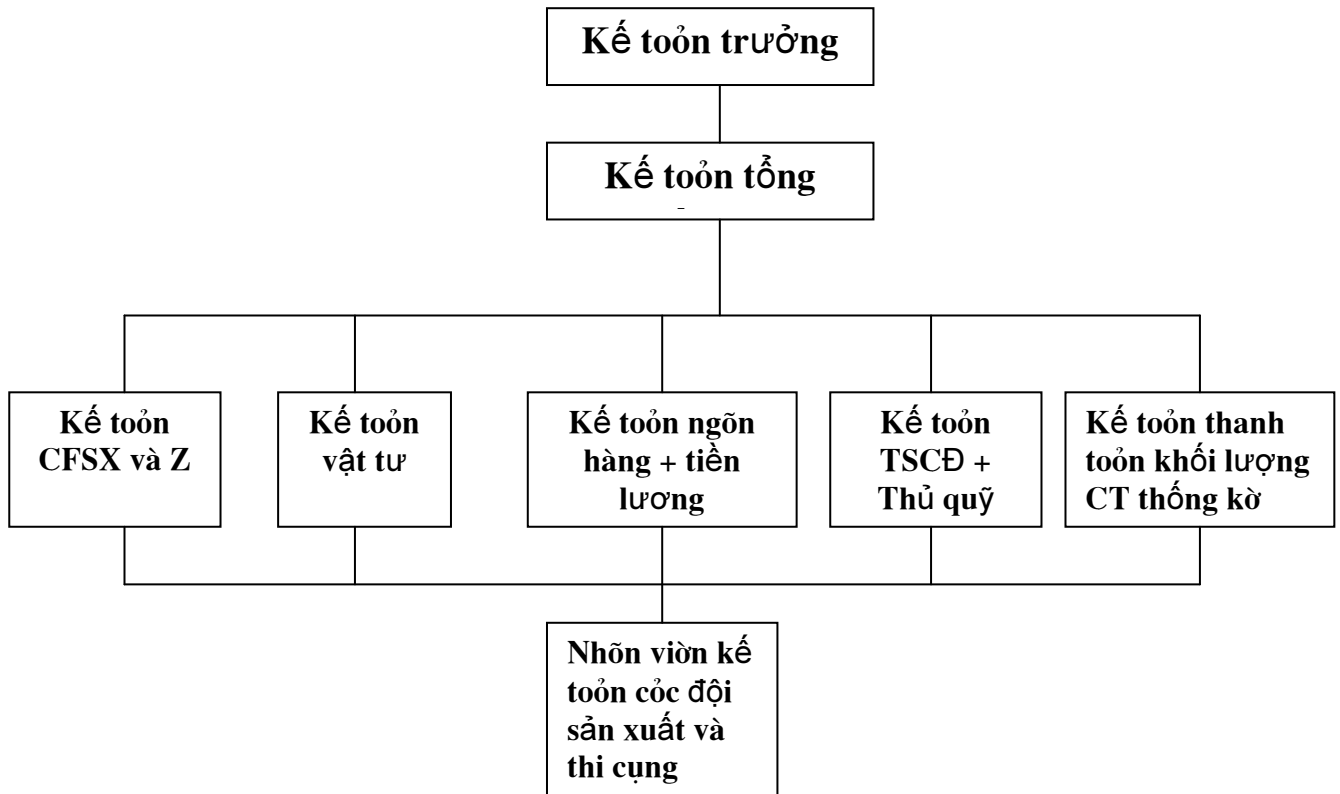
Với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh như vậy, công tác hạch toán kế toán giữ vai trò hết sức quan trọng. Công ty cơ giới và xây lắp 13 tổ chức hạch toán và ghi chép sổ sách theo hình thức nhật ký chung. Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán tập trung. Theo hình thức này toàn bộ công tác kế toán trong công ty được tiến hành tập trung tại phòng kế toán, tại các tổ đội sản xuất chỉ có các nhân viên hạch toán làm nhiệm vụ thu nhận xử lý chứng từ ban đầu. Sử dụng hình thức kế toán này góp phần đảm bảo cho kế toán phát huy đầy đủ vai trò chức năng của kế toán, giúp cho việc phân công lao động chuyên môn hoá nâng cao trình độ nghiệp vụ của các nhân viên kế toán.

Phòng kế toán của công ty gồm 7 người: Đứng đầu là kế toán trưởng, chỉ đạo hoạt động của các kế toán viên trong phòng kế toán. Các kế toán viên gồm: kế toán tổng hợp, kế toán chi phí sản xuất và giá thành, kế toán vật tư, kế toán ngân hàng + thanh toán lương, kế toán TSCĐ + thủ quỹ, kế toán thanh toán khối lượng công trình thống kê.

Mỗi nhân viên kế toán làm tròn bổn phận của mình trong mối quan hệ với cấp trên và các phân xưởng, đội ở phía dưới.

Có thể khái quát bộ máy kế toán qua sơ đồ sau:

Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty cơ giới và xây lắp 13



Để hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành kế toán công ty sử dụng bốn tài khoản: TK 621, TK 622, TK 623, TK 627. Tất cả bốn tài khoản trên đều được mở chi tiết cho từng công trình từng hạng mục công trình. Các chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán ghi vào bên nợ tài khoản. Bên có dùng để ghi giảm các chi phí không sử dụng hết trong kỳ hạch toán đồng thời để kết chuyển từng khoản mục chi phí này vào bên nợ tài khoản 154. Cuối kỳ sau khi kết chuyển bốn tài khoản này đều không có số dư. Trên cơ sở tài khoản 154 - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, kế toán kết chuyển giá thành thực tế của công trình và tính kết quả hoạt động kinh doanh. ở đây công ty sử dụng tài khoản 632 - giá vốn hàng bán để tập hợp và kết chuyển trị giá vốn của sản phẩm xây lắp hoàn thành.

4. Hệ thống sổ sách kế toán sử dụng.

Tổ chức hệ thống sổ kế toán là nội dung quan trọng trong tổ chức công tác kế toán ở DN. Tổ chức hệ thống sổ kế toán phù hợp với quy mô và đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có tác dụng quan trọng trong quá trình xử lý thông tin để tạo ra thông tin hữu ích cho nhiều đối tượng sử dụng khác nhau.

Từ đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, khối lượng ghi chép lại các nghiệp vụ phát sinh là rất lớn, nên tổ chức hệ thống sổ hợp lý càng có vai trò quan trọng để cung cấp kịp thời thông tin và báo cáo định kỳ.

Với hình thức tổ chức sổ kế toán là nhật ký chung các sổ sách kế toán sử dụng tại công ty đều là những sổ sách theo biểu mẫu quy định trong hình thức nhật ký chung.

Đó là các sổ nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt, bảng tổng hợp, sổ chi tiết, sổ cái được chỉ ra dưới đây.

- Nhật ký chung: Là sổ kế toán căn bản dùng để ghi chép các nghiệp vụ phát sinh theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng tài khoản của các nghiệp vụ đó, làm căn cứ để ghi vào sổ Cái.

- Nhật ký đặc biệt: (còn gọi là Nhật ký chuyên dùng) được sử dụng trong trường hợp nghiệp vụ phát sinh nhiều nếu tập trung ghi cả vào nhật ký chung thì sẽ có trở ngại về nhiều mặt, cho nên phải mở các sổ nhật ký đặc biệt để ghi chép riêng cho từng loại nghiệp vụ chủ yếu. Khi dùng sổ nhật ký đặc biệt thì chứng từ gốc trước hết được ghi vào sổ nhật ký đặc biệt, sau đó, định kỳ hoặc cuối tháng tổng hợp số liệu của sổ nhật ký đặc biệt ghi một lần vào sổ Cái.

Ngoài sổ nhật ký đặc biệt, tùy theo yêu cầu quản lý đối với từng loại tài sản hoặc từng loại nghiệp vụ như tài sản cố định, vật liệu, hàng hóa, thành phẩm, chi phí sản xuất.... kế toán phải mở các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết. Đây là loại sổ kế toán dùng để ghi chi tiết các sự việc đã ghi trên sổ kế toán tổng hợp nhằm phục vụ yêu cầu của công tác kiểm tra và phân tích. Khi mở các sổ kế toán chi tiết thì chứng từ gốc được ghi vào sổ kế toán chi tiết, cuối tháng căn cứ vào các sổ chi tiết lập các bảng tổng hợp chi tiết của từng tài khoản tổng hợp để đối chiếu với sổ kế toán phân loại chung.

- Sổ cái: là sổ kế toán tổng hợp dùng để tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ phát sinh của từng tài khoản tổng hợp. Số liệu của sổ Cái cuối tháng được dùng để ghi vào bảng cân đối số phát sinh và từ đó ghi vào bảng cân đối kế toán và các báo biểu kế toán khác.

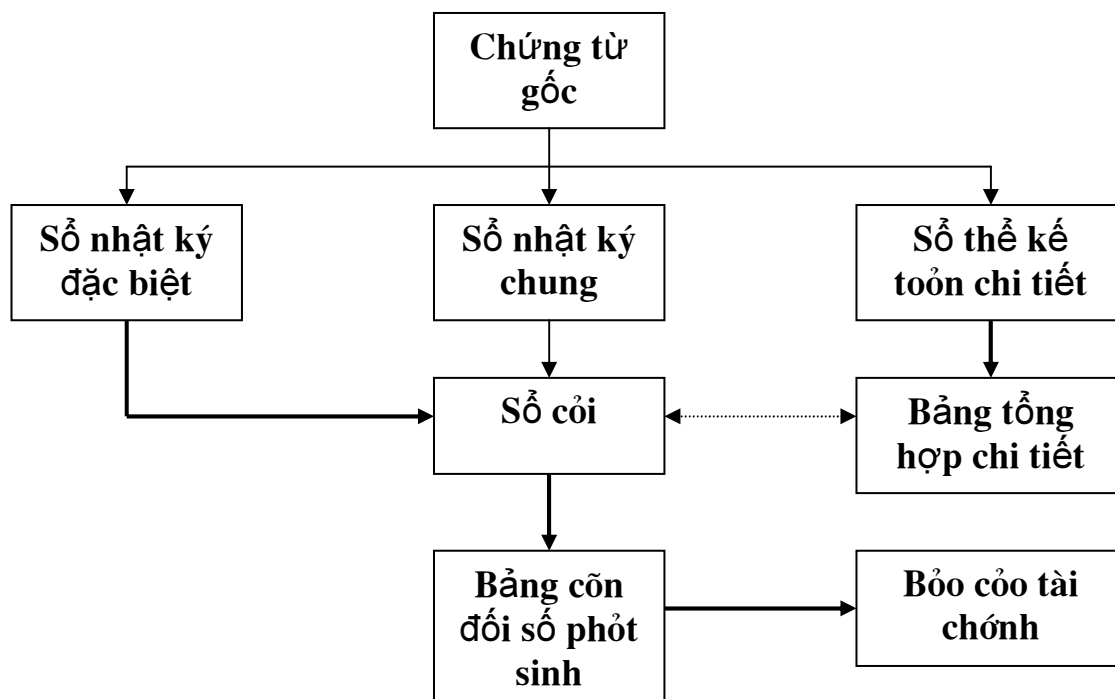
- Trình tự ghi chép kế toán trong hình thức nhật ký chung như sau: hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian sau đó căn cứ vào sổ nhật ký chung để ghi vào sổ Cái. Trường hợp dùng sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc ghi nghiệp vụ phát sinh vào các sổ nhật ký đặc biệt có liên quan, định kỳ hoặc cuối tháng tổng hợp các nghiệp vụ trên sổ nhật ký đặc biệt và lấy số liệu tổng hợp ghi một lần vào sổ Cái. Cuối tháng tổng hợp số liệu của sổ Cái và lấy số liệu của sổ Cái ghi vào bảng cân đối phát sinh các tài khoản tổng hợp.

Đối với các tài khoản có mở các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết, sau khi ghi sổ nhật ký, phải căn cứ vào chứng từ gốc ghi vào các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết liên quan, cuối tháng cộng sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết lập các bảng tổng hợp chi tiết của từng tài khoản để đối chiếu với bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng các số liệu, bảng cân đối số phát sinh được dùng làm căn cứ để lập bảng cân đối kế toán và các báo biểu kế toán khác.

Trình tự luân chuyển chứng từ và tính giá thành sản phẩm tại công ty như sau:

Sơ đồ - trình tự ghi sổ kế toán của công ty.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←.....→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HẠCH TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH Ở CÔNG TY.

1. Phân loại chi phí và khoản mục giá thành.

Cũng như các doanh nghiệp để tiến hành, công ty phải bỏ ra các chi phí sản xuất như: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí chung khác....

Với đặc điểm hoạt động của mỗi loại hình xây dựng cơ bản khác nhau mà quy mô tỷ trọng từng loại chi phí cũng khác nhau. Để quản lý chặt chẽ các chi phí dùng cho sản xuất, đồng thời xác định được giá thành sản phẩm xây lắp một cách chính xác, việc nhận biết phân tích được ảnh hưởng của từng loại nhân tố sản xuất trong cơ cấu giá thành mới đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty. Bất kỳ công trình nào khi bắt đầu thi công cũng phải lập dự toán thiết kế để các cấp xét duyệt theo phân cấp và để các bên làm cơ sở lập hợp đồng kinh tế. Các dự toán công trình xây dựng cơ bản được lập theo từng hạng mục

công trình và được phân tích theo từng khoản mục chi phí. Vì vậy việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành cũng phải được phân tích theo từng khoản mục chi phí.

a. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí nguyên vật liệu bao gồm toàn bộ giá trị vật liệu cần thiết trực tiếp tạo ra sản phẩm hoàn thành. Giá trị nguyên vật liệu bao gồm giá trị thực tế của vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng lao động, bảo hộ lao động cần cho việc thực hiện và hoàn thành công trình. Trong đó không kể đến vật liệu phụ, nhiên liệu động lực, phụ tùng phục vụ cho máy móc phương tiện thi công. Các loại vật liệu như đá, cát vàng, xi măng dầu,... sử dụng phục vụ cho thi công thường được mua bên ngoài và nhập kho hoặc xuất thẳng tới công trình. Ngoài ra công ty còn sản xuất những vật liệu xây dựng và những thành phẩm như gạch, bê tông được đóng vai trò vật liệu sử dụng cho các công trình khác nhau.

b. Chi phí nhân công trực tiếp

Là những khoản tiền lương, tiền công được trả theo số ngày công của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công trình. Số ngày công bao gồm cả lao động chính, phụ, cả công tác chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công. Trong chi phí nhân công có chi phí tiền lương cơ bản, chi phí phụ cấp lương và các khoản tiền công trả cho từng lao động thuê ngoài. Tiền lương cơ bản căn cứ vào cấp bậc công việc cần thiết để thực hiện khối lượng công việc ghi trong đơn giá và tiền lương phù hợp với quy định. Là đơn vị thực hiện nhiệm vụ quản lý sửa chữa nền móng, san nền công ty còn cho công nhân viên hưởng một số phụ cấp làm thêm giờ. Việc tính đầy đủ các chi phí nhân công, phân phối hợp lý tiền lương, tiền thưởng sẽ khuyến khích thúc đẩy cho những người CNV đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác cao.

c. Chi phí máy thi công

Là những chi phí liên quan tới việc sử dụng máy thi công nhằm thực hiện khối lượng công tác xây lắp bằng máy. Máy móc thi công các loại gồm: máy đóng cọc, máy khoan nhồi, máy đầm,... trong khoản mục chi phí máy bao gồm cả tiền thuê máy, tiền lương công nhân sử dụng máy, chi phí phát sinh sửa chữa máy khi bị hỏng, chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch, khấu hao cơ bản máy thi công, các chi phí vật liệu phụ, nhiên liệu (xăng dầu) trực tiếp cho hoạt động của máy.

d. Chi phí sản xuất chung.

Khoản mục này được tính trong giá thành sản phẩm là những chi phí phục vụ cho quá trình sản xuất nhưng mang tính chất chung của toàn đội quản lý. Đó là các chi phí liên quan đến nhân viên quản lý, các khoản trích kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tính trích theo tỷ lệ quy định trên tổng số lương phải trả công nhân xây lắp và nhân viên quản lý đội, khấu hao tài sản cố định dùng cho hoạt động quản lý đội, và những chi phí bằng tiền khác phục vụ cho công tác giao nhận mặt bằng, đo đạc nghiệm thu, bàn giao công trình giữa các bên liên quan.

Với tính chất chi phí phát sinh chung toàn đội nên đối tượng chịu các khoản mục chi phí này là tất cả các công trình. Do đó để hạch toán chi tiết xác định chi phí chung từng công trình, kế toán tiến hành phân bổ theo tiêu thức phù hợp.

Ngoài nhiệm vụ hoạt động chính là san nền, đóng cọc, công ty còn tổ chức một trạm trộn cột bê tông, một dây chuyền sản xuất gạch Block. Hoạt động của hai xưởng này mang tính chất sản xuất công nghệ tạo ra sản phẩm phục vụ ngay cho công tác san nền, đóng cọc, trở thành một bộ phận chi phí nguyên vật liệu hoặc có thể được bán ra ngoài với tư cách thành phẩm. Việc hạch toán kế toán ở bộ phận này được theo dõi riêng và coi như là một bộ phận sản xuất kinh doanh phụ của công ty.

Với mục đích chính của bài viết này là hạch toán chi phí giá thành trong đơn vị xây lắp nên hoạt động sản xuất kinh doanh phụ tạo ra sản phẩm sẽ chỉ đóng vai trò như một phần cấu thành nguyên vật liệu trong giá thành công trình.

2. Đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Việc tập hợp chi phí được thực hiện trên cơ sở chi phí phát sinh đối với từng công trình, hạng mục công trình nào thì tập hợp cho công trình, hạng mục công trình đó. Các chi phí gián tiếp không đưa vào một công trình cụ thể thì có thể phân bổ giữa các công trình theo tiêu thức tích hợp. Do đặc điểm của ngành mà đối tượng tập hợp chi phí sản xuất xây lắp của công ty là các công trình, hạng mục công trình và các đơn đặt hàng, toàn bộ các chi phí liên quan đến thi công, lắp đặt đều được tập hợp theo đơn đặt hàng. Khi đơn đặt hàng hoàn thành thì số chi phí tập hợp được đó chính là giá thành thực tế của đơn đặt hàng. Đối với việc tính giá thành thực tế thì đối tượng là từng phần việc có kết cấu riêng, dự toán riêng và đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý theo quy định trong hợp đồng. Để xác định giá thành thực tế của đối tượng này thì ta phải xác định giá trị sản phẩm dở dang là toàn bộ chi phí cho phần việc chưa đạt tới điểm dừng kỹ thuật hợp lý.

3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Ở đây công ty sử dụng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất trực tiếp.

Các chi phí có liên quan trực tiếp đối tượng nào thì được tập hợp trực tiếp vào đối tượng đó. Các chi phí không thể tập hợp được trực tiếp vì liên quan đến nhiều dự toán chịu chi phí thì được tập hợp riêng cho từng nhóm đối tượng có liên quan, tới cuối kỳ hạch toán kế toán tiến hành phân bổ theo các tiêu thức hợp lý như: phân bổ theo định mức tiêu hao, vật tư, định mức chi phí nhân công trực tiếp, theo tỷ lệ sản lượng, theo giá trị dự toán.... tùy theo từng loại sản phẩm mà chọn tiêu thức cho phù hợp.

Đối với các loại sản phẩm mang tính chất xây dựng cơ bản thì khi hoàn thành công ty mới xác định là giá thành thực tế. Khi đó giá thành thực tế của sản phẩm hoàn thành là toàn bộ chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp tới công

trình, hạng mục công trình từ lúc khởi công đến khi hoàn thành bàn giao, được đưa vào sử dụng.

4. Hạch toán các khoản mục chi phí.

Với quy mô sản xuất kinh doanh vừa và lớn, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều, kế toán công ty cơ giới và xây lắp 13 áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên. Điều này chi phối đến toàn bộ các hoạt động hạch toán kế toán của công ty, đặc biệt là công tác hạch toán chi phí và tính giá thành sản phẩm.

a. Hạch toán khoản mục chi phí vật liệu trực tiếp.

Để được thực hiện quá trình xây lắp, vật liệu đóng một vai trò quan trọng trong các chi phí, yếu tố đầu vào. Đây là một bộ phận chiếm tỷ trọng lớn nhất trong giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty cơ giới và xây lắp 13, nguyên vật liệu được sử dụng gồm nhiều chủng loại khác nhau. Việc quản lý, sử dụng vật liệu tiết kiệm hay lãng phí ảnh hưởng rất nhiều tới sự biến động của giá thành và kết quả sản xuất kinh doanh toàn đơn vị. Vậy tổ chức thụ mua, xuất dùng nguyên vật liệu cũng như hạch toán vật liệu luôn luôn phải gắn chặt với nhau và với từng đối tượng sử dụng nó.

Ở công ty, tùy khối lượng và tính chất của quá trình, phòng kế hoạch triển khai theo hình thức giao kế hoạch hay giao khoán gọn cho các đội phân xưởng.

Phòng kế hoạch căn cứ vào khối lượng dự toán công trình, căn cứ vào tình hình sử dụng vật tư, quy trình quy phạm về thiết kế kỹ thuật và thi công, tình hình tổ chức sản xuất... cũng như nhiều yếu tố liên quan khác để kịp thời đưa ra định mức thi công và sử dụng nguyên vật liệu.

Định mức vật liệu gồm: vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, cần cho việc hoàn thành công tác xây lắp. Dựa trên định mức sử dụng vật liệu công ty giao kế hoạch mua sắm dự trữ vật tư xuống phòng vật tư nhằm cung cấp đầy đủ kịp thời cho các đội ngũ thi công.

Vật tư hàng hoá mua về phục vụ sản xuất dù có hoá đơn hay chưa có hoá đơn đều phải lập ngay phiếu nhập kho. Về ngày nào thì phải nhập kho ngày đó và nếu xuất ra để sản xuất thì cũng lập chứng từ xuất kho.

Vật tư của công ty mua có thể giao thẳng tới công trình hoặc nhập kho để dự tính. Vật tư sử dụng cho thi công công trình bao gồm: vật tư nhập từ kho của công ty, vật tư công ty mua xuất thẳng tới công trình và vật tư do phân xưởng khác chuyển qua.

Việc nhập xuất vật tư được thể hiện trên thẻ kho của công ty do phòng vật tư quản lý. Thủ kho có trách nhiệm xác nhận số vật liệu thực nhập kho. Nếu vật tư hàng hoá giao thẳng tới chân công trình thì đội trưởng hay đội phó thi công phải ký nhận thay thủ kho. Sau đó chuyển ngay về phòng vật tư và phòng kế toán để vào thẻ kho và sổ kế toán.

Tại công ty kế toán lựa chọn giá thực tế để theo dõi tình hình luân chuyển vật liệu.

Đối với vật tư xuất từ kho của công ty thì giá thực tế vật liệu xuất dùng được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước.

$$\begin{array}{lcl} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Giá trị đối với} \\ \text{của NVL} & = & \text{NVL nhập kho theo} \quad \times \quad \text{Số lượng NVL xuất} \\ \text{xuất dùng} & & \text{từng lần nhập trước} \quad \text{dùng trong kỳ thuộc} \\ & & \text{số lượng từng lần} \\ & & \text{nhập kho} \end{array}$$

Đối với vật tư đi mua xuất thẳng tới công trình thì giá thực tế vật tư xuất dùng được tính bằng giá mua ghi trên hoá đơn, cộng chi phí thu mua vận chuyển theo quy định:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{vật tư xuất dùng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua} \\ \text{vật tư} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua vận chuyển.} \end{array}$$

Đối với vật tư do phân xưởng của công ty tự sản xuất thì giá nguyên vật liệu này bao gồm toàn bộ chi phí bỏ ra để hoàn thành sản phẩm đó.

Ta có trình tự hạch toán vật liệu tại công ty như sau:

Phòng cung ứng vật tư nhận được bản dự trù vật tư sẽ tạm ứng với công ty để mua nguyên vật liệu:

Nợ TK 141

Có TK 111,112

Khi vật tư đến kho công ty kế toán ghi:

Nợ TK 152

Có TK 141

Trong kỳ nếu vật tư xuất kho của công ty tới công trình căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán ghi:

Nợ TK 621: Chi phí NVL trực tiếp chưa có thuế GTGT

Có TK 152

Nếu vật tư không nhập kho mà mua và xuất dùng trực tiếp cho sản xuất xây lắp tại công trình căn vào giá thực tế kế toán ghi:

Nợ TK 621: Chi phí NVL trực tiếp chưa có thuế

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ (thuế đầu vào)

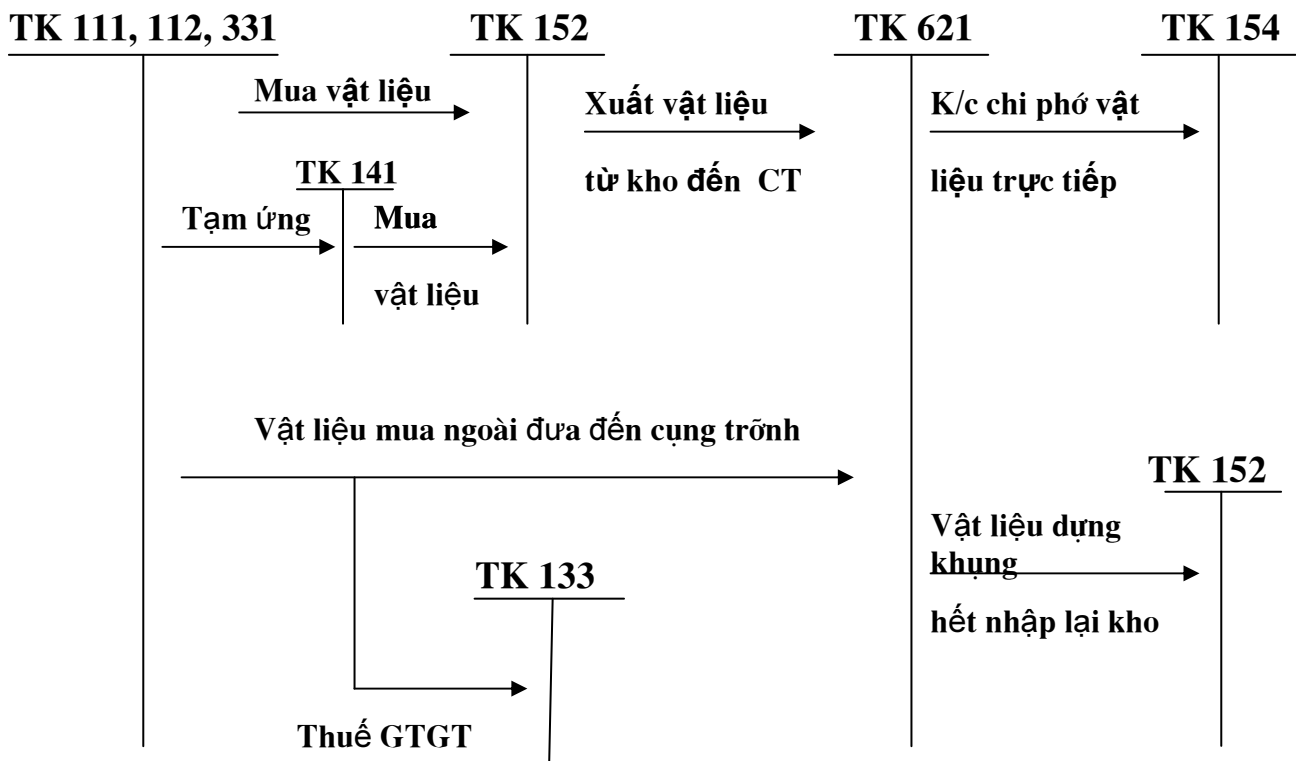
Có TK 331,111,112,141: Vật liệu mua ngoài

Có TK 154: Vật liệu tự sản xuất.

Căn cứ vào phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ do kế toán nguyên vật liệu phụ trách kho vật liệu của phân xưởng kiểm kê và lập kế toán tính ra số vật tư sử dụng trong kỳ cho các đội ngũ theo công thức:

Tổng giá trị vật tư sử dụng trong kỳ	=	Giá trị vật tư tồn đầu kỳ	+	Giá trị vật tư nhập trong kỳ	-	Giá trị vật tư tồn kho cuối kỳ
Giá trị vật tư nhập kho trong kỳ	=	Giá trị vật tư đội tự mua	+	Giá trị vật tư nhập từ kho công ty	+	Giá trị vật tư nhập từ phân xưởng khác

Sơ đồ hạch toán chi phí nguyên vật liệu tại công ty



Chứng từ ban đầu để hạch toán nguyên vật liệu trực tiếp xuất dùng là các phiếu xuất vật tư, các hoá đơn bán hàng, các giấy tờ tạm ứng, thanh toán, tiền cước phí vận chuyển, phiếu xuất nhận vật tư luân chuyển nội bộ... cùng các giấy tờ liên quan khác.

Trên chứng từ xuất, mọi vật tư hàng hoá xuất phục vụ sản xuất ghi cụ thể từng nội dung hạng mục công trình, từng sự việc và có đầy đủ chữ ký theo quy định. Nếu là xuất nhượng bán vật tư thì có hoá đơn hoặc phiếu xuất kho kèm theo chữ ký giám đốc và đóng dấu của công ty. Các đơn vị cá nhân có nhu cầu tạm ứng để phục vụ sản xuất đều viết giấy xin tạm ứng đề nghị giám đốc duyệt. Khi xin tạm ứng ghi rõ ràng đầy đủ nội dung cần tạm ứng thanh toán kịp thời và đầy đủ chứng từ hoá đơn hợp lệ. Thời hạn thanh toán không quá 30 ngày kể từ ngày nhận tạm ứng và có thanh toán lần tạm ứng trước mới được tạm ứng lần kế tiếp.

Thủ kho ghi rõ thực tế xuất lên phiếu xuất và ký vào giao cho nhân viên vận chuyển phòng cung ứng hoặc của đội xây dựng. Sau khi vật liệu được chuyển tới đội sản xuất xây lắp, người nhận kiểm tra số lượng xong ký lên phiếu và giữ phiếu làm chứng từ thanh toán. Đội trưởng (quản đốc phân xưởng) tập hợp

phiếu xuất vật tư này thành một quyển riêng, cuối kỳ lập bảng kê nhận vật tư từ kho của công ty.

Trích: Trong tháng có các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến việc xuất vật tư từ kho công ty.

NV29: Xuất kho VLC Thép Φ 6: 1500kgx8000đ/kg=12 000 000đ.

XM PC 30: 10 000kgx870đ/kg=8 700 000đ.

Sử dụng trực tiếp để thi công công trình XD SX gạch Block-QN.

NV33: Xuất kho NVL dùng cho xây lắp CT XD SX gạch Block-QN

Thép Φ 6: 4000kg , Thép Φ 18A2: 1 500kg.

XM PC 30: 25 000kg , Dầu Đeizen: 2 500 lít.

Định khoản:

NV 29: Nợ TK 621 20 700 000

Có TK 152(1) 20 700 000

NV 33: Nợ TK 621(CT XD SX gạch Block-QN) 80 000 000

Có TK 152(6) 80 000 000

Đơn vị: LICOGI 13

Địa chỉ: Thanh Xuân-HN

Phiếu xuất kho

Ngày 15 tháng 09 năm 2004

Số: 151

Họ tên người nhận: Hoàng Lan PX Xây Lắp

Lý do xuất kho: Xuất cho thi công

Xuất tại kho : Vật liệu-dụng cụ

ST T	Tên,nhãn hiệu,quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Thép Φ 6	T Φ 6	kg	1500	1 500	8000	12 000 000
02	XM PC 30	PC30	kg	10 000	10 000	870	8 700 000
	Cộng						20 700 000

Ngày 15 tháng 09 năm 2004

Phụ trách bộ phận Phụ trách Người nhận Thủ kho Thủ trưởng đơn
vị

Sử dụng cung tiêu (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)
(ký, họ tên) (ký, họ tên)

Đơn vị: LICOGI 13

Địa chỉ: Thanh Xuân-HN

Phiếu xuất kho

Ngày 16 tháng 09 năm 2004

Số: 154

Họ tên người nhận: Hoàng Lan PX Xây Lắp

Lý do xuất kho: Xuất dùng cho xây lắp

Xuất tại kho : Vật liệu-dụng cụ

ST T	Tên,nhãn hiệu,quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đvt	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Thép Φ 6	T Φ 6	kg	4000	4000	8000	32 000 000
02	XM PC 30	PC30	kg	25000	25000	870	21 750 000
03	Thép Φ 18A2	T Φ 18A2	kg	1500	1500	7500	11 250 000
04	Dầu Điezen	DĐ	lít	2500	2500	6000	15 000 000
	Cộng						80 000 000

Ngày 16 tháng 09 năm 2004

Phụ trách bộ phận Phụ trách Người nhận Thủ kho Thủ trưởng đơn
vị

Sử dụng cung tiêu (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)
(ký, họ tên) (ký, họ tên)

Bảng kê nhận vật tư từ kho của công ty

Công trình: XD SX gạch Block-QN

Tháng 09 năm 2004

STT	Tên, nhãn hiệu qui định phẩm chất vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép Φ 6	kg	5500	8 000	44 000 000
2	Xi măng PC 30	kg	35000	870	30 450 000
3	Thép Φ 18A2	kg	1500	7 500	11 250 000
4	Dầu Điezen	lít	2 500	6 000	15 000 000
	Tổng thanh toán	x	x	x	100 700 000

Ngoài vật tư lĩnh tại kho, các đội còn nhận vật tư khi công ty mua về giao thẳng cho công trình. Chứng từ là "biên bản giao nhận vật tư" giữa người cung ứng vật tư với phụ trách đội sản xuất thi công. Biên bản này lập thành 2 liên mỗi bên giữ một liên làm chứng từ thanh toán.

Các NV mua vật tư giao thẳng tới công trình phát sinh trong tháng 09/2004

NV28: Thu mua VLC Cát vàng của Công ty Cát Vàng Sông Lô chuyển đến tận chân công trình, sử dụng trực tiếp để thi công công trình XD SX gạch Block-QN theo tổng giá thanh toán (cả thuế GTGT 10%) là 24 750 000đ.....

NV33: Chi phí TB XDCB :Mua của Công ty Cơ Khí HN chuyển đến tận chân công trình dùng cho công trình XDSX gạch Block-QN theo tổng giá thanh toán: 176 000 000đ, trong đó thuế GTGT: 16 000 000đ.

Kế toán định khoản: 28, Nợ TK 621(cát vàng) 22 500 000

Nợ TK 133(1) 2 250 000

Có TK 331(CVSL) 24 750 000

33, Nợ TK 621(CT XDSX gạch Block-QN) 160 000 000

Nợ TK 133(1) 16 000 000

Có TK 331(Công ty Cơ Khí HN) 176 000 000

Bộ xây dựng

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Tổng công ty LICO GI

Công trình: XD SX gạch Block

Công ty: Cơ giới & XL 13

Ngày: 14/09/2004

Người giao : Trần Quỳnh Anh-Bộ phận vật tư

Người nhận: Hoàng Hải Yến-PX XL

Stt	Tên, nhãn hiệu qui định phẩm chất vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cát vàng	m ³	450	50 000	22 500 000
	Cộng	x	x	x	22 500 000

Bộ xây dựng

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Tổng công ty LICO GI

Công trình: XD SX gạch Block

Công ty: Cơ giới & XL 13

Ngày: 16/09/2004

Người giao : Trần Quỳnh Anh-Bộ phận vật tư

Người nhận: Hoàng Lan-PX XL

S tt	Tên, nhãn hiệu qui định phẩm chất vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thiết bị XD CB	bộ	01	160 000 000	160 000 000
	Cộng	x	x	x	160 000 000

Phụ trách đội cũng tập hợp các chứng từ này thành một tập riêng và cuối tháng lên bảng kê vật tư giao thẳng tới công trình.

BẢNG KÊ VẬT TƯ CÔNG TY GIAO THĂNG

Công trình: XD SX gạch Block-QN

Tháng: 09-2004

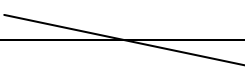
STT	Tên, nhãn hiệu qui định phẩm chất vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Cát vàng	m ³	450	50 000	22 500 000
2	Thiết bị XD CB	bộ	01	160 000 000	160 000 000
	Σ	x	x	x	182 500 000

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 2

Số : 189

Ngày 14/09/2004

STT	Tên, nhãn hiệu qui định phẩm chất vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Cát vàng	m ³	450	50 000	22 500 000
					
				
Cộng tiền hàng: 22 500 000					
Thuế suất GTGT 10%:			Tiền Thuế GTGT: 2 250 000		
Tổng tiền thanh toán: 24 750 000					
Số tiền viết bằng chữ: hai mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng					

Người mua hàng
(ký , họ tên)

Kế toán trưởng
(ký , họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký , họ tên)

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 2

Số : 239

Ngày 16/09/2004

S TT	Tên, nhãn hiệu qui định phẩm chất vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Thiết bị XD CB	bộ	01	160 000 000	160 000 000
	<div></div>				
					.
Cộng tiền hàng: 160 000 000đ					
Thuế suất GTGT 10%			Tiền Thuế GTGT: 16 000 000đ		
Tổng tiền thanh toán: 176 000 000đ					
Số tiền viết bằng chữ: một trăm bảy mươi sáu triệu đồng.					

Người mua hàng
(ký , họ tên)

Kế toán trưởng
(ký , họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký , họ tên)

Đối với vật tư do đội tự mua, thì người có trách nhiệm đi mua vật viết giấy xin tạm ứng, có ký duyệt của kế toán trưởng, sau đó lĩnh tạm ứng đi mua vật tư. Khi mua vật tư về được đội trưởng kiểm nghiệm mới được xuất cho thi công công trình. Chứng từ dùng để hạch toán ở đây là hoá đơn mua hàng. Cuối kỳ đội trưởng lên bảng kê do đội tự mua.

Chứng từ phản ánh vật tư di chuyển từ phân xưởng này sang phân xưởng khác là các phiếu luân chuyển nội bộ.

Trạm trộn bê tông chuyên sản xuất bê tông phục vụ công tác đổ móng, đóng cọc khoan nhồi. Hoạt động của trạm mang tính chất sản xuất công nghiệp của kinh doanh phụ. Do không thể nhập kho nên khi yêu cầu sử dụng mới sản xuất. Vì vậy sản xuất của trạm đến đâu tiêu thụ hết tới đó. Bê tông được đơn vị tính trên tài khoản 154 P và cũng đóng vai trò nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh chính. Trên cơ sở bảng tính giá thành và phân bổ lao vụ sản xuất kinh doanh phụ, giá thực tế bê tông xuất sử dụng được xác định. Kế toán vật liệu lập bút toán để đưa giá trị những chi phí vật liệu này vào khoản mục vật liệu toàn công ty (chi tiết từng công trình).

Cuối kỳ kế toán cùng quản đốc kiểm kê số vật tư thừa chưa sử dụng ở kho công trình để lập phiếu báo tồn vật tư.

Đơn vị: Đội XDI

Công ty cơ giới & XL 13

PHIẾU BÁO TỒN KHO VẬT TƯ

Ngày 30/09/2004

Đơn vị: Đồng

STT	Diễn giải	Thành tiền
1	Dư đầu kỳ	0
2	Nhập trong kỳ	283 200 000
	- Nhận từ kho công ty	100 700 000
	- Vật tư mua giao thẳng tới công trình	182 500 000
3	Sử dụng trong kỳ	283 200 000
4	Dư cuối kỳ	0

Khi công trình hoàn thành, trên các chứng từ gốc được tập hợp và đưa lên, kế toán nguyên vật liệu ghi sổ làm tài liệu tính tổng nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng cho các công trình. Khi kế toán nguyên vật liệu tập hợp đầy đủ chứng từ thì phân loại, đánh số, ghi sổ, định khoản vào bảng kê chứng từ mỗi loại riêng đối với từng công trình riêng biệt.

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Công trình: XD SX gạch Block-QN

S T T	Chứng từ		Nội dung	Thành tiền	Ghi chú
	SH	Ngày tháng			
1	PXK151 PXK154	14/09 16/09	Xuất vật tư cho PX Xây lắp	100 700 000	
2	HĐGTGT189 HĐGTGT239	14/09 16/09	Giao thẳng vật tư cho PX XL	182 500 000	
			Cộng	283 200 000	

Từ những bảng kê tập hợp được, kế toán ghi sổ chi tiết sau đó lấy dòng tổng cộng trên sổ chi tiết vào sổ nhật ký chung và phân bổ cho từng đối tượng sử dụng trên bảng phân bổ vật liệu, công cụ dụng cụ.

BẢNG PHÂN BỐ NVL, CCDC

Tháng 09 năm 2004

STT	Ghi TK có Ghi nợ TK	TK 152.VL	TK 152. NL	TK 152 PT	TK 153
1	TK 621	85 700 000	15 000 000		
2	TK 623		9 000 000		
3	TK 142				3 600 000
	Cộng	85 700 000	24 000 000	0	3 600 000

Dựa trên bảng phân bổ vật liệu kế toán vào sổ chi tiết TK 621 theo từng công trình, hạng mục công trình vào sổ cái TK 621

Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Tài khoản 621

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 621						
				∑ tiền	Chia ra					
S H	NT				cát	XM	T Φ 6	T Φ 18 A2	Dầu	TB XDCB
	14/9	Mua cát vàng chuyển đến tận chân công trình	331	22500	22500					
	14/9	Xuất kho VLC dùng cho XD	152	20700		8700	12000			
	16/9	Xuất kho VLC dùng cho XD	152 331	80000 160000		21750	32000	11250	15000	160000
		Tổng CP NVLTT PS		283200	22500	30450	44000	11250	15000	160000
	29/9	K/c tính Z SP XL	154	283200	22500	30450	44000	11250	15000	160000

Ngày 30 tháng 09 năm 2004

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Sổ cái TK 621

Tháng 09 năm 2004

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
				Nợ	Có
HĐ189	14/09	Chuyển từ NKĐB mua hàng	331	22 500 000	
PXK151	14/09	Xuất kho NVL cho xây lắp	152	20 700 000	
PXK154	16/09	Xuất kho NVL cho xây lắp	152	80 000 000	
HĐ239	16/09	Chuyển từ NKĐB mua hàng	331	160 000 000	
BTHCP&PGT	29/09	Kết chuyển chi phí NVLTT để XD Z SP XL	154		283 200 000
				
		Cộng		283 200 000	283 200 000

b. Hạch toán khoản mục chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí nhân công trực tiếp xây lắp các công trình ,CN phục vụ thi công (cả vận chuyển, bốc dỡ, vật tư trong phạm vi mặt bằng xây lắp& công nhân chuẩn bị thi công & thu dọn hiện trường).

Do đặc trưng riêng của ngành XD,lắp đặt ,thời gian thi công kéo dài ,khối lượng công trình hoàn thành trong tháng là ít dẫn tới chi phí NVLTT chiếm tỷ trọng trong Z công trình hoàn thành là cao .Chi phí NCTT bao gồm : tiền lương chính,phụ cấp lương của CN TT SX&CN thuê ngoài thi công công trình.

Tại công ty LICOGI 13 hiện đang áp dụng 2 hình thức trả lương đó là trả lương theo SP(lương khoán)& trả lương theo thời gian.

Lương sản phẩm(lương khoán) được áp dụng chủ yếu trong khoản mục CP NC TT hiện nay . Lương khoán được thanh toán theo sản phẩm thực hiện mà cụ thể là từng công trình,hạng mục công trình,trong đơn giá lương khoán đã tính đủ tất cả các khoản lương chính,phụ cấp lương cho một khối lượng công việc.

Lương thời gian chỉ áp dụng để tính cho những khối lượng thi công khi khoán gọn không xác định được thời gian hoàn thành hoặc chưa xác định được nội dung từng phần việc cụ thể phải làm.Lương thời gian còn được áp dụng để tính trong một số trường hợp như nghỉ phép,nghỉ lễ,hội họp & lương của công nhân vận hành máy.

Công việc tính lương & các khoản phụ cấp có tính chất lương đều do kế toán tiền lương thực hiện.

Cụ thể đối với lao động trong danh sách của công ty (hợp đồng dài hạn) Tiền lương của từng người ,từng tổ sản xuất ,từng đội công trình & từng công trình được tính dựa vào bảng chấm công & các Hợp đồng giao khoán .

Đối với 1 công trình,lương từng người được tính dựa vào số công & đơn giá tiền công,sau đó tổng hợp lại cho từng tổ SX, từng công trình .Còn đơn giá tiền công nghỉ phép ,lễ ,hội họp của công nhân bằng tiền lương cơ bản của CN chia cho 22 ngày theo chế độ.

Trích : Trong tháng 09-2004 Anh Trần Quang Vinh có tiến hành tham gia lao động theo công nhật & tham gia 1 HĐ làm khoán:

Lương công nhật:2 công x 25 000đ/công=50 000đ.

Lương tính theo giá trị hợp đồng làm khoán của tổ Anh Vinh khi kết thúc hợp đồng là 13 601 000đ Với tổng số công thực hiện là 203 công do đó đơn giá 1 công khoán được tính như sau:

$$\text{Giá 1 công khoán} = \frac{13601\ 000}{203} = 67\ 000\text{đ}$$

Trong hợp đồng làm khoán anh Vinh có 23 công .Do đó tổng số lương khoán của anh vinh sẽ là : 23 x 67 000=1 541 000đ

Lương của từng người trong tháng sẽ =lương thời gian & lương sản phẩm của họ trong tháng đó--->

Lương tháng 09 /2004 của anh Vinh = 1 541 000+50 000=1 591 000đ

Tương tự như vậy ta có thể tính lương toàn bộ số CN trong đội ---> Bảng thanh toán lương.

Đối với CN hợp đồng ngắn hạn .Dựa vào các bản nghiệm thu công việc đã hoàn thành & bảng thanh toán khối lượng thuê ngoài .Khi có nhu cầu thuê CN ,đội trưởng công trình tiến hành ký hợp đồng thuê CN giao phần việc cho họ,khi khối lượng công việc đã hoàn thành ,đội trưởng công trình ,kỹ thuật công trình cùng với tổ trưởng nghiệm thu bàn giao thông qua”Biên bản nghiệm thu công việc đã hoàn thành” & lập bảng thanh toán khối lượng thuê ngoài.

Trích: Phòng Kinh Tế giao khoán các công việc sau cho PX XL:

TT	ND côngviệc	Đvt	KLHT	Bắt đầu	Kếtthúc	Đơn giá	Th tiền
1	Lắp dầm	bộ	1	12/09	15/09	3668618	3668618
2	Xây tầng	m ²	12	13/09	13/09	25000	300 000
3	Phun cát	m ³	9	15/09	15/09	433707	3903363
	Cộng	x	x	x	x	x	7871981

Đối với Lao động thuê ngoài:

TT	ND côngviệc	Đvt	KL	Đơn giá	Thành tiền
01	Xây tầng	m ²	400	5 000	2 000 000
02	Trát tường	công	20	18 000	360 000
	Cộng	x	x	x	2 360 000

Xây tường bao : 200m² ,trát 20 công ,kể cả bắc giáo ,trộn vữa,vận chuyển vật liệu,bảo dưỡng.

Căn cứ vào tiền lương của CN trong danh sách (HĐDH) trong bảng thanh toán lương kế toán tính ra tổng số tiền BHXH, BHYT, KPCĐ. Công ty áp dụng chế độ trích BHXH, BHYT, KPCĐ do nhà nước quy định 19% trên tổng số tiền lương của CN trong danh sách tính vào chi phí SX. Trong đó, BHXH 15%, BHYT 2%, KPCĐ 2%.

Đối với lao động HĐ ngắn hạn (thuê ngoài) công ty không tiến hành trích BHXH, BHYT mà đã tính toán hợp lý trong đơn giá nhân công trả trực tiếp cho người lao động.

Ngoài ra, đối với CN trong danh sách (HDDH) thì khi thanh toán lương cho CN đều phải trích lại 1 khoản là 6%(bao gồm 5% BHXH,1%BHYT)khoản này được trừ vào lương của CN & được giữ lại công ty hạch toán vào TK 338.

NV55: Ngày 28/09/2004 Kế toán tiền lương tính ra tổng số tiền lương phải trả cho CN trực tiếp XL :

CN trực tiếp XL trong danh sách: 36 000 000đ.

CN trực tiếp XL thời vụ : 24 000 000đ.

.....

Để hạch toán tiền lương trực tiếp phục vụ các công trình

Kế toán định khoản: Nợ TK 622 60 000 000

Có TK 334 60 000 000

-3341 36 000 000

-3342 24 000 000

Trong khoản mục chi phí nhân công chiếm một tỉ trọng lớn nhất và chủ yếu là tiền lương cơ bản (tiền lương chính theo hình thức trả lương sản phẩm và các khoản phụ cấp lương, phụ cấp khác). Công ty áp dụng hai hình thức thanh toán lương sản phẩm cho các đối tượng sau: Khoán toàn bộ nhân công công trình và khoán toàn bộ công trình.

Với công trình khoán gọn, tùy theo thời điểm và tính chất công trình. Công ty khoán gọn theo quy định trong văn bản nhân thầu. Hàng tháng nếu công trình

thi công dở dang hoặc chưa nghiệm thu bàn giao thì căn cứ vào khối lượng thực tế làm được, công ty sẽ tạm ứng số tiền nhân công theo khối lượng hoàn thành.

Với hình thức khoán toàn bộ nhân công công trình dựa vào khối lượng công việc công ty giao khoán cho đội, đội trưởng đơn đốc công nhân trong tổ thực hiện thi công phần việc được giao, đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật đồng thời theo dõi được tình hình lao động của từng công nhân trong đội. Nhờ vào đó kế toán tiền lương tính thanh toán tiền lương cho công nhân theo phần việc của mình.

Trong cả hai hình thức khoán trên chúng từ ban đầu để hạch toán tiền lương là các bảng chấm công của các tổ sản xuất trong đơn vị. Tại các tổ đội căn cứ vào ngày công làm việc và năng suất lao động của từng người chất lượng công việc, hiệu quả công việc, cấp bậc lương hiện tại để phân loại: A, B, C. Dựa vào hệ số quy định của công ty: Loại A = 1,2; Loại B = 1,0; Loại C = 0,6 để tính ra tiền lương cho từng cá nhân trong tháng. Phân phối tiền lương đảm bảo khuyến khích những người đạt năng suất lao động cao, chất lượng và hiệu quả công việc tốt.

Hàng tháng, đơn vị nghiệm thu khối lượng với các tổ đội căn cứ vào đơn giá nhân công theo quyết toán để tính lương sản phẩm thực hiện. Các tổ đội chuyển thủ tục thanh toán cho phòng kế hoạch kỹ thuật xác nhận cụ thể quyết toán công trình hoặc báo cáo sản lượng trong tháng, các báo cáo nghiệm thu nội bộ, biên bản nghiệm thu theo mẫu của công ty.

Ở phòng tài vụ kế toán sau khi đã có đầy đủ chứng từ: Bảng thanh toán khối lượng hoàn thành, bảng chấm công kế toán bắt đầu tiến hành tính lương cho từng cá nhân và tổng số lương của từng đội.

Chi phí nhân viên quản lý đội công trình tính vào chi phí quản lý TK 627 Chi phí này bao gồm cả lương chính, thu nhập trách nhiệm, thưởng... của nhân viên quản lý đội như đội trưởng, nhân viên kỹ thuật thi công.

Về các khoản tính theo lương. Công ty đã tính các khoản này là 19% trên nền lương cơ bản tính vào chi phí kinh doanh còn 6% tính vào tiền lương của công nhân viên sản xuất. Như vậy thu nhập của công nhân viên công ty gồm:

- Lương chính (lương cơ bản) được tính theo nghị định 26/CP của chính phủ ban hành ngày 25/3/1993
- Thu nhập trách nhiệm: tùy theo hạng của Công ty A, B, C...
- Phụ cấp hàng tháng : Tùy nơi, khu vực và từng loại công việc.
- Tiền thưởng dựa trên tiến độ hoàn thành khối lượng công việc.

BẢNG TÍNH KHỐI LƯỢNG HOÀN THÀNH

(Phần chi phí nhân công)

Tháng 09/2004

Công trình: XD SX gạch Block-QN

Đội: XDI

Tên công việc	Chi phí nhân công			
	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I. Đúc cọc bê tông 250 #				
- Gia công cốt thép cọc	m3	208,44	42.307	8.818.471
$\Phi \leq 10$	kg	892.382	15	1.374.536
$\Phi \leq 18$	kg	20250,94	4030	1.711.812
- Gia công chụp đầu cọc thép bản $\hat{O} = 6$	kg	1.696	84580	542.915
Đoạn C 15,5 m	Đ.cọc	315	32102	319.725
C 25,0m	Đ.cọc	315	3015	319.725
Cộng đúc cọc				13.087.184
II. Đóng cọc 250 x 250	100 md	32	50400,5	1.612.816
L<12m, búa< 2,5 tấn đất cấp 2				
III. Nối cọc bằng phương pháp hàn	Đ.cọc	1000	4800	4.800.000
Tổng				19.500.000

Từ đây kế toán tiền lương lập bảng phân bổ tiền lương cho các tổ đội sản xuất. Có thể nhiều đội cùng tham gia sản xuất thi công cùng một công trình. Tổng hợp và phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn... trên bảng phân bổ tiền lương và các khoản tính theo lương.

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG CHO CÁC ĐỘI

Tháng 09/2004

CT: XD SX gạch Block-QN

Đvt: 1000đ.

Công trình	Đội XDI	Đội XDII	Đội đóng cọc 1	Đội đóng cọc 2	Đội xe	Tổng
XD SX gạch Block-QN	19 500	17 000	3 000	0	20 500	60 000
.....					
Cộng	19 500	17 000	3 000	0	20 500	60 000

Dựa trên bảng phân bổ tiền lương cho các đội theo bảng trên kế toán lương của công ty lập bảng phân bổ tiền lương và các khoản tính theo lương toàn DN

Đơn vị : LICOGI 13

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 09 năm 2004

Đvt: 1000đ

STT	Ghi Có TK Ghi Nợ TK	TK 334-Phải trả công nhân viên				TK 338-Phải trả, phải nộp khác				Tổng cộng
		Lương	Các khoản phụ cấp	Các khoản khác	Cộng Có TK 334	Kinh phí công đoàn (3382)	Bảo hiểm xã hội (3383)	Bảo hiểm y tế (3384)	Cộng Có TK338 (3382,3383,3384)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
01	TK 622	60 000	0	0	60 000	-	-	-	-	60 000
02	TK623	13 000	0	0	13 000	-	-	-	-	13 000
03	TK627	6 500	0	9 250	15 750	1 110	8 325	1 110	10 545	26 295
04	TK641	5 000	0	0	5 000	100	750	750	950	5 950
05	TK642	15 000	0	0	15 000	300	2 250	300	2 850	17 850
06	TK334	-	-	-	0	0	3 775	755	4 530	4 530
07	TK811	300	-	0	300	6	45	6	57	57
	Cộng	99 800	0	9 250	109 050	1 516	15 145	2 271	18 932	127 982

Ngày 28 tháng 09 năm 2004

Dựa trên bảng chấm công và bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương của từng đội kế toán tiền lương sẽ tính lương của từng cá nhân và toàn đội.

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 09/2004

Công trình: XD SX gạch Block-QN

Đội : XD I

Số TT	Họ và tên	Ngày làm việc trong tháng					Tổng cộng	
		1	2	3	4	Tổng cộng	Nghỉ 100% lương
1	Hoàng Lan	x	x	x	x		23	
2	Nguyễn Hải Yến	x	x	x	x		22	
3	Cao Duy Hà	x	x	x	x		22	

Dựa vào bảng chấm công kế toán tính lương cho từng người ở từng bộ phận theo bảng tính lương.

Công ty CG & XL 13

BẢNG TÍNH LƯƠNG

Tháng 09/2004

Công trình: XD SX gạch Block-QN

Đội: XDI

STT	Họ và tên	Hệ số	Lương cơ bản	Lương trách nhiệm	Phụ cấp	BHXH phải nộp	Số tiền được lĩnh
1	Hoàng Lan	1,2	828.000	100.000	50.000	41.400	936.600
2	Nguyễn Hải Yến	1,2	792.000	50.000	50.000	39.600	852.400
3	Cao Duy Hà	1.0	660.000	30.000	20.000	33.000	677.000
	Cộng		2.280.000	180.000	120.000	114.000	2.466.000

NV 59: Phiếu chi 124 ngày 29/9/04 chi tiền mặt thanh toán lương cho CNV: 30 000 000đ.

Khi thanh toán cho công nhân viên kế toán ghi:

Nợ TK 334: 30 000 000

Có TK 111: 30 000 000

Bên cạnh việc tính lương công nhân trực tiếp đưa vào khoản mục nhân công thì kế toán tiền lương cần phải hệ thống các chi phí lương trực tiếp và gián tiếp khác: Bao gồm chi phí lương người điều khiển máy đưa vào các khoản mục chi phí máy thi công, lương công nhân trực tiếp, gián tiếp của các xưởng sửa chữa và lương khối văn phòng.

Cuối kỳ kế toán tập hợp các chứng từ gốc liên quan đến chi phí nhân công theo công trình cụ thể vào sổ nhật ký chung, sổ chi tiết chi phí và vào sổ cái TK 622.

Đối với nhân công hợp đồng cho từng công trình khi trả lương kế toán công ty ghi:

Nợ TK 622 (chi tiết cho từng công trình)

Có TK 331, 111, 112

Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Tài khoản 622

(Đvt: đồng).

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ TK 622		
				Σ tiền	Chia ra	
S	NT				CN trong danh sách	CN thời vụ
	27/9	Lương CN TT	334	60 000 000	36 000 000	24 000 000
		xây lắp				
		Σ CPNCTTP S	154	60 000 000	36 000 000	24 000 000
	29/9	K/c xđ Z		60 000 000	36 000 000	24 000 000

Ngày 30 tháng 09 năm 2004

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

SỔ CÁI TK 622

Tháng 09 năm 2004

Số TT	Chứng từ		Diễn giải	TK	Số tiền	
	SH	Ngày T			Nợ	Có
01	BL	28/09	Tiền lương CNTT Xây lắp	334	60 000 000	
02	BTH	29/09	Kết chuyển CFNCTT xđ	154		60 000 000

			Z SP XL			
...			
			Cộng		60 000 000	60 000 000

Khi khấu trừ 5% BHXH, 1% BHYT lương của CN trực tiếp xây lắp kế toán lập định khoản:

Nợ TK 334 3 600 000

Có TK 338 3 600 000 (=6% x 60 000 000)

-3383 3 000 000

-3384 600 000

C. Hạch toán khoản mục máy thi công

Phương tiện thiết bị máy móc (gọi chung là xe máy) là một phần tài sản của công ty. Dù được trang bị dưới bất kỳ hình thức nào đều nằm dưới sự quản lý của công ty. Để tạo nguồn chủ động cho đội, phân xưởng phục vụ sản xuất. Công ty giao tài sản xe máy cho các đội, tùy thuộc vào chức năng suất xuất và khả năng quản lý của đội đó. Việc điều hành xe máy và theo dõi sự hoạt động sản xuất được đặt dưới sự điều khiển trực tiếp của đội, xưởng và có sự giám sát mệnh lệnh chung của công ty. Lái xe máy phải thực hiện thanh toán xăng dầu định kỳ với thông kê đội. Phòng kế hoạch kỹ thuật chịu trách nhiệm lập kế hoạch sửa chữa xe máy hàng năm.

Trong một tháng, xe máy của các đội có thể phục vụ cho nhiều công trình. Đội phải báo cáo về bộ phận quản lý xe máy của công ty (cụ thể là phòng quản lý cơ giới) toàn bộ công tác hoạt động của xe máy mình, quản lý qua chứng từ ban đầu là phiếu theo dõi hoạt động của xe máy thi công. Đến cuối tháng, phiếu này cùng với chứng từ liên quan như hoá đơn kiêm phiếu xuất kho, vật tư sử dụng cho máy chạy, bảng chấm công công nhân điều khiển máy, chi phí liên quan sửa chữa cho biết số km xe máy, số giờ máy hoạt động, lượng nhiên liệu tiêu hao, những phụ tùng đã thay thế sửa chữa... được chuyển về phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ và phân bổ cho từng đối tượng liên quan. Chi phí sử dụng máy liên quan đến công trình nào thì phân bổ cho công trình đó.

Máy thi công mà công ty sử dụng có thể là của phân xưởng, đội, có thể là công ty thuê ngoài.

+ Máy thi công của đội.

Hàng tháng, kế toán TSCĐ căn cứ vào sổ chi tiết TSCĐ để tính ra khấu hao, chi phí trích trước sửa chữa lớn của từng máy thi công nếu có. Từ kết quả tính được, kế toán lập bảng kê chi phí khấu hao và trích trước sửa chữa lớn cho từng máy (nếu có). Tại công ty đối với máy móc thi công, công ty áp dụng các

phương pháp khấu hao theo quyết định 1062/CĐKT đối với một số máy có giá trị lớn công ty cân đối thời gian khấu hao theo thời hạn vay vốn để mua máy.

Bảng kê khấu hao máy thi công ở PX XL

Tháng 09/2004

Công trình: XD SX gạch Block-QN

Đơn vị: đồng

STT	Tên máy	Nguyên giá	Thời gian SD	Mức KH tháng
1	Máy kéo	116 500 000	6	2 500 000
2	Máy trộn bê tông	118 300 000	5	2 750 000
3	Máy Xúc	225 000 000	8	2 480 000
4	Máy ủi	220 700 000	7	2 070 000
	Cộng	608 500 000		9 800 000

Căn cứ vào bảng kê chi phí khấu hao máy thi công của toàn công ty và dựa vào phiếu theo dõi hoạt động của từng máy thi công kế toán tiến hành phân bổ cho từng công trình. Trong tháng công trình nào sử dụng máy thi công của công ty thì khấu hao TSCĐ được tính vào chi phí sản xuất trong tháng của công trình đó.

Kế toán phân bổ khấu hao máy thi công của đội dựa trên số ca máy chạy cho từng công trình. Nội dung giá ca xe máy chạy thi công ban hành theo quyết định số 57 - BXD/VKT ngày 30/3/1994 của Bộ xây dựng. Ví dụ như đơn giá của một ca máy trộn bê tông 250l có xác định rõ:

Khấu hao cơ bản: 29.025đ

Dựa vào tiêu thức phân bổ là số ca máy chạy cho từng công trình kế toán tập hợp khấu hao từng công trình trên bảng phân bổ.

Tổng công ty.....

Công ty CG & XL 13

BẢNG PHÂN BỐ KHẤU HAO TSCĐ

(Máy thi công)

Tháng 09/2004

Phân bổ TSCĐ vào các công trình	Khấu hao cơ bản (có TK 2141)	Tổng cộng
---------------------------------	---------------------------------	-----------

Phân bổ KHTSCĐ vào các C.trình	9 800 000	9 800 000
1. Công trình XD SX gạch Block-QN	9 800 000	9 800 000
Σ	9 800 000	9 800 000

Dựa trên bảng phân bổ kế toán định khoản:

Nợ TK 623(4): 9 800 000

Có TK 214 (1): 9 800 000

Với công trình khoán gọn nhân công lương BHXH được tính vào sổ ca máy thực hiện. Chi phí lương sẽ bằng sổ ca máy nhân với tiền công lái máy 1 ca theo đơn giá ca máy theo quyết định số 57 - BXD/VKT ngày 30/3/1994 của Bộ xây dựng. Đối với công trình khoán theo đơn giá nội bộ thì tiền lương, vận tải, bốc dỡ vật liệu sẽ thanh toán cho đội máy thi công cơ giới theo đơn giá tổng hợp. Khối lượng đội vận chuyển (tính theo tấn hàng) nhân với đơn giá tổng hợp đã quy định ra số lương thanh toán cho đội. Nhân công lái máy ủi, máy đầm của đội thi công sẽ dựa vào số giờ hoạt động thực tế của xe và ngày sửa chữa máy để làm cơ sở thanh toán theo cấp bậc lương thực tế của người lái xe. Theo bảng tổng hợp khối lượng hoàn thành ta có thể tính ra lương và BHXH người điều khiển xe máy đưa vào khoản mục chi phí máy thi công.

Đối với các chi phí phát sinh còn lại như chi phí khám xe, chi phí phụ tùng vận chuyển vật liệu, mang tính chất chung... không thể tách riêng cho từng đối tượng chịu phí thì tập hợp lại và phân bổ theo số giờ chạy máy.

Khi tập hợp chi phí máy thi công kế toán ghi:

Nợ TK 623 Nguyên vật liệu sử dụng máy

Có TK 152:

Nợ TK 623 Nhân công trực tiếp sử dụng máy

Có TK 334:

Bảo hiểm y tế, BHXH, KPCĐ được tính gộp với BHYT, BHXH, KPCĐ trích theo lương CN trực tiếp XL và được phản ánh vào TK 627-Chi phí sản xuất chung chứ không phản ánh ở TK 623.

Nợ TK 627 –Chi phí sản xuất chung

Có TK 338 (=19%xlương CN SD máy thi công)

Trích: Trong tháng có NV phát sinh chi phí sử dụng máy thi công như sau:
NV 30 : Xuất kho Nhiên liệu Dầu Diezen sử dụng cho máy thi công

$$1500\text{lít} \times 6000\text{đ/lít} = 9\,000\,000\text{đ}$$

Đơn vị: LICOGI 13
Địa chỉ: Thanh Xuân-HN

Phiếu xuất kho

Ngày 15 tháng 09 năm 2004

Số: 152

Họ tên người nhận: Nguyễn Hải Yến - PX Xây Lắp

Lý do xuất kho: Xuất dùng cho máy thi công

Xuất tại kho : Vật liệu-dụng cụ

ST T	Tên,nhãn hiệu,quy cách phẩm chất vật tư	Mã số	Đv t	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Dầu Diezen	DD	lít	1500	1500	6000	9 000 000
	Cộng	x	x	x	x	x	9 000 000

Ngày 16 tháng 09 năm 2004

Phụ trách bộ phận Phụ trách Người nhận Thủ kho Thủ trưởng đơn
vị

Sử dụng cung tiêu (ký, họ tên) (ký, họ tên) (ký, họ tên)
(ký, họ tên) (ký, họ tên)

-->Chi phí sản xuất chung của tổ đội thi công cơ giới

Nợ TK 623:Chi phí sử dụng máy

Có TK 152, 153, 214, 334

+ Đối với máy thi công đi thuê ngoài:

Công ty có khối lượng máy thi công khá lớn tuy nhiên do có nhiều công trình tại nhiều địa điểm cách xa nhau do đó để tiện thi công và tăng tiến độ công ty đã thuê một số máy của đơn vị khác.

Chúng tôi trước tiên để lấy làm cơ sở xác định chi phí máy móc thi công thuê ngoài là hợp đồng thuê máy.

Công ty CG & XL 13

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(Thuê máy móc thiết bị)

Ngày 20/09/2004

Chúng tôi gồm:

Đại diện bên A (bên thuê): Công ty cơ giới và xây lắp 13

Do ông: Vũ Tuấn Dương Chức vụ : Giám đốc công ty

Có TK số: 113 -060283 tại NH Vietcombank.

Đại diện bên B (bên cho thuê): Công ty cơ giới và xây lắp 14

Do ông: Nguyễn Kim Nhung Chức vụ: Giám đốc công ty

Có TK số : 3802 - 2239B tại NHCT Hà Nội

Hai bên cùng nhau thống nhất ký hợp đồng cho thuê xe gồm những điều khoản sau:

Điều I: Khối lượng kinh phí.....

Bên B cho thuê 1 cần trục bánh hơi ADK 19A 86.06 cầu cọc bê tông.

Khối lượng thuê tính theo thời gian:

Công việc - loại xe	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Đ)	Thành tiền (Đ)
1. Cần trục ADK 12,5 tấn	Ca	9	250.000	2 250 000
2. CN điều khiển máy	công	10	25 000	250 000

Thời gian làm việc 1 ca là 3 giờ, khối lượng thanh toán theo thực tế số ca máy làm được và một lần di chuyển là 250 000đ.

Điều II: Tiến độ.....

Thực hiện từ : 18/09/04 đến ngày 20/09/04.

Điều III: Cam kết chung.....

.....

Điều IV: Thanh quyết toán theo....

Đại diện bên A

Đại diện bên B

Khi công việc hoàn thành đội trưởng đội thi công tập hợp các chứng từ gốc thuê thiết bị bao gồm hợp đồng thuê máy, biên bản thanh lý hợp đồng gửi lên phòng thanh toán. Phần lớn máy móc đi thuê đều do nhân công của đội sử dụng do đó chi phí nhân công trực tiếp ở đây đã tính ở phần trên.

Máy thi công của công trình nào thì ghi trực tiếp cho công trình đó không có trường hợp dùng chung cho nhiều công trình nếu không phải phân bổ.

Máy thuê ngoài được tập hợp thành bảng để tính chi phí máy thi công. Dựa trên bảng tập hợp chi phí máy thi công kế toán vào sổ cái tài khoản 623.

Sổ chi phí sản xuất , kinh doanh

Tài khoản 623

Đvt: 1000đ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐW	Ghi Nợ TK				
SH	NT			Tổng tiền	Chia ra			
					NVL	Lương	KH	CP khác
	15/9	Xuất NL sử dụng cho máy thi công	152	9000	9000			
	15/9	Điện mua ngoài phục vụ cho máy thi công	112	2293,5	2293,5			
	19/9	Khấu hao TSCĐ phân bổ cho MTC	214	7000			7000	
	20/9	Chi phí sử dụng MTC mua ngoài	112	2500				2500
	27/9	Lương CN sử dụng máy thi công	334	13000		13000		
		Tổng CP SD MTC		33793,5	11293,5	13000	7000	2500
	29/9	K/c CP SD MTC xđ Z SP XL	154	33793,5				

SỔ CÁI TK 623

Tháng 09/2004

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		Chi tiết các loại
SH	NT			Nợ	Có	
PXK	15/9	Xuất kho Nhiên liệu phục vụ Máy thi công	152	9 000 000		
HĐ điện	15/9	Điện phục vụ MTC trả bằng TGNH	112	2 293 500		
BN09						
BKH	19/9	Trích KH MTC	214	7 000 000		
HĐDV	20/9	CP sử dụng MTC trả bằng TGNH	112	2 500 000		
BN11						
BTL	28/9	Lương CN sử dụng MTC	334	13 000 000		
BTHC P	29/9	K/c chi phí máy thi công- xd Z SP XL	154		33 793 500	
.....					
		Cộng		33 793 500	33 793 500	

Hạch toán chi phí máy thi công thuê ngoài như sau:

Nợ TK 623:Chi phí theo hợp đồng

Có TK 331, 111, 112

BẢNG TẬP HỢP CHI PHÍ MÁY THI CÔNG

Tháng 09/2004

Đvt: đồng.

Chứng từ		Diễn giải	Chi phí máy thi công				Cộng
			TK6231	TK 6232	TK 6234	TK 6237	
PXK152	15/9	Xuất kho Nhiên liệu phục vụ MTC	9000 000				9 000 000
HĐ điện BN09	15/9	Điện mua ngoài phục vụ MTC trả bằng TGNH				2 293 500	2 293 500
BKH	19/9	Trích KH Máy thi công			7000 000		7 000 000
HĐDV BN11	20/9	CP sử dụng MTC trả bằng TGNH				2 500 000	2 500 000
BTL	28/9	Lương CN sử dụng MTC		13000 000			13000000

BTHCP	29/9	Cuối kỳ k/c xđ Z SP XL					
		Cộng	9 000 000	13 000 000	7 000 000	4 793 500	33793500

d. Hạch toán khoản mục chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung hiện nay ở Công ty LICOGI 13 đã được tập hợp theo đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là từng công trình, hạng mục công trình. Đó là những chi phí liên quan đến phục vụ sản xuất, quản lý sản xuất & 1 số chi phí khác được tính vào chi phí sản xuất chung phát sinh trong phạm vi bộ phận sản xuất.

Chi phí SXC của PX XL bao gồm lương nhân viên quản lý đội, trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tổng số lương CNVC của đội, khấu hao TSCĐ dùng chung cho đội, chi phí dịch vụ mua ngoài & các chi phí khác bằng tiền.... Tất cả các khoản chi phí sản xuất chung được tập hợp vào TK 627 để tổng hợp chi phí sản xuất chung cho từng công trình.

Những khoản chi phí sản xuất chung không tập hợp được trực tiếp cho từng công trình thì kế toán tập hợp theo từng đội XD sau đó phân bổ cho các công trình mà đội đang thi công trong kỳ.

Tiền lương gián tiếp của các đội kế toán công ty hạch toán vào tài khoản 6272 - chi phí nhân viên phân xưởng, căn cứ vào lương bình quân thu nhập trong tháng của đơn vị và hiệu quả công việc để tính lương.

Hàng tháng đơn vị nghiệm thu khối lượng thực hiện cùng với tính lương sản phẩm, còn xác định tiền lương trực tiếp của các tổ cấp dưỡng, bảo vệ công trình dựa vào báo cáo sản lượng hay quyết toán từng công trình, phòng kế toán, phòng kế hoạch kỹ thuật sẽ xác nhận khối lượng và công trợ trợ khác nhau như công dọn kho, dọn vệ sinh... và được thanh toán khi có xác nhận của phòng ban có liên quan.

+ Về chi phí vật liệu: chi phí này bao gồm những chi phí xuất dùng chung cho phân xưởng như vật liệu dùng để sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.

+ Chi phí dụng cụ sản xuất: là chi phí về công cụ, dụng cụ cho nhu cầu sản xuất chung ở đội bảo dưỡng, tu sửa thiết bị.

+ Chi phí lương nhân viên quản lý: Tiền lương chính & các khoản phải trả cho nhân viên quản lý đội như đội trưởng, tính lương cho từng người phải dựa trên cơ sở hệ số cấp bậc lương hiện tại cho từng người & số ngày công làm trong tháng. Khi thanh toán lương cho NV quản lý cũng phải trích lại 1 khoản 6%

(5%BHXH,1%BHYT) khoản này được trừ vào lương của nhân viên & công ty giữ lại hạch toán vào TK338.

Riêng khoản trích BHXH,BHYT,KPCĐ theo tiền lương CN trực tiếp xây lắp trong danh sách & tiền lương CN sử dụng máy thi công , kế toán phản ánh vào TK 627-Chi phí sản xuất chung .

+ Chi phí khấu hao TSCĐ phục vụ cho quản lý đội: Trong quá trình sử dụng máy móc ,thiết bị,gia trị của TSCĐ được chuyển dần vào giá trị công trình dưới hình thức khấu hao .Việc tính khấu hao là nhằm thu hồi vốn đầu tư .TSCĐ bị hư hỏng không sử dụng được nữa .Hiện nay công ty sử dụng phương pháp khấu hao tuyến tính theo nghị định 1062 ban hành kèm theo quyết định 1141 TC/QĐ/CĐKT ngày 1/11/1995 của Bộ Tài chính để tính khấu hao TSCĐ căn cứ vào nguyên giá của TSCĐ & thời gian sử dụng TSCĐ (Công ty có bản đăng ký mức KH TSCĐ có xác nhận của cục quản lý vốn & tài sản Nhà nước tại DN)

$$\text{Mức KH BQ năm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian SD}}$$

$$\text{Mức KH BQ tháng} = \frac{\text{Mức KH BQ năm}}{12 \text{ tháng}}$$

Công việc tính toán & phân bổ CP KH TSCĐ là do kế toán tổng hợp thực hiện .Việc tính KH TSCĐ tính vào chi phí sản xuất được thể hiện trên bảng tính KH.

+ Chi phí sửa chữa nhỏ (TK 6275): Trong quá trình sử dụng TSCĐ bị hao mòn và hư hỏng từng bộ phận. Để đảm bảo cho tài sản cố định hoạt động bình thường trong suốt thời gian sử dụng, công ty phải thường xuyên tiến hành sửa chữa bảo dưỡng xe máy theo định kỳ.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài (TK 6277): Do số lượng máy móc thiết bị dùng cho thi công của công ty không đủ phục vụ cho nhu cầu về máy móc thi công do đó công ty phải thuê thêm máy móc thi công hoặc thuê các dịch vụ hỗ trợ xây lắp như trắc địa, kiểm tra độ lún, và các chi phí mua ngoài khác như tiền điện ,nước Trong trường hợp này các chi phí trên hạch toán vào TK 6277.

Căn cứ vào HĐ điện ,nước ... kế toán tiến hành tập hợp chi phí ,ghi vào sổ chi tiết CP SXC, và các sổ sách liên quan theo định khoản:

Nợ TK 627

Có TK 111,331

+ Chi phí bằng tiền khác (6278): bao gồm các chi phí ngoài các chi phí đã nêu phát sinh trực tiếp ở các công trình như chi phí giao dịch,tiếp khách,chi phí văn phòng,in ấn tài liệu.... Những chi phí này sẽ được hạch toán vào TK 6278. Chi phí phát sinh thuộc công trình nào thì hạch toán trực tiếp vào công trình đó.

Các chứng từ gốc để hạch toán chi phí sản xuất chung bao gồm: Phiếu xuất vật tư, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ, Hoá đơn, Phiếu chi.... Căn cứ vào các chứng từ phản ánh nghiệp vụ liên quan trong kỳ, kế toán lập bút toán như sau:

Nợ TK 6278

Có TK 111

Khi xuất vật tư, vật liệu công cụ dụng cụ phục vụ cho đội nào công trình nào thì ghi cho công trình đó căn cứ vào phiếu xuất vật tư kế toán ghi:

Nợ TK 6271

Nợ TK 6273

Có TK 152, 153

Chi phí tiền lương NV quản lý PX XL : Nợ TK 6272

Có TK 334

Khi trích khấu hao TSCĐ cho phân xưởng kế toán ghi vào TK 6274

Nợ TK 6274

Có TK 214

Một điểm đáng lưu ý ở đây là phần khấu hao, sửa chữa lớn máy thi công kế toán công ty cũng hạch toán vào tài khoản chi phí khấu hao TSCĐ nhưng là tài khoản mở rộng cho phần máy thi công TK 6234M.

Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác phát sinh như tiền điện, nước, điện thoại, tiền tiếp khách.....

Kế toán ghi:

Nợ TK 6277, 6278

Có TK 111, 112, 331

Cuối kỳ kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung vào bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung (không bao gồm chi phí phục vụ cho máy thi công).

Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh

Tài khoản 627

Đvt: 1000đ

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐW	Ghi Nợ TK 627					
S H	NT			Tổng tiền	Chia ra				
					CP= tiền	Lg	BH	KH	CPkhác
	04/9	Phân bổ CCDC cho PXXL	142	300					300
	15/9	Tiền điện thấp sáng phục vụ cho thi công & nhu cầu chung ở đội XL	112	3127,5					3127,5
	17/9	Tiền điện thoại cho đội XL	111	1218	1218				
	18/9	KH TSCĐ phân bổ cho PXXL	214	9800				9800	
	24/9	Tiền nước của PXXL	111	2200	2200				
	27/9	Lương NV quản lý PX XL	334	6500		6500			
	28/9	Tiền ăn ca trả CNV	334	9250					9250
	28/9	Trích BHXH,BHYT,KPCĐ	338	10545			10545		
		Tổng cộng CP SXC		42940,5	3418	6500	10545	9800	12677,5
	29/9	K/c CP SXC xđ Z	154	42940,5	3418	6500	10545	9800	12677,5

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT CHUNG

Tháng 09/2004

Công trình: XD SX gạch Block-QN

STT	Nội dung	Số tiền (Đ)
1	Giá trị CCDC	300 000
2	Chi phí khấu hao TSCĐ	9 800 000
3	Lương nhân viên quản lý đội	6 500 000
4	Tiền ăn ca phải trả CNV.....	9 250 000
5	Trích BHXH, BHYT, KPCĐ	10 545 000
6	Chi phí dịch vụ mua ngoài	3 127 500
7	Chi phí bằng tiền khác	3 418 000
	Σ	42 940 500

Dựa trên bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung cho toàn bộ các công trình mà đội tham gia thi công trong tháng kế toán tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình. Khi tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng công trình phải theo một tiêu thức nhất định. Công ty phân bổ chi phí sản xuất chung theo chi phí nhân công trực tiếp.

SỔ CÁI TK 627

Tháng 09/2004

Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	SHTK	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
BPB	05/9	Phân bổ giá trị CCDC vào CP SXC		142	300 000	
HĐ điện	16/9	Điện dùng cho nhu cầu chung ở PX XL		112	3 127 500	
PC115	17/9	Chuyển từ NKĐB chi tiền		111	1 218 000	
BKH	19/9	KH TSCĐ trong tháng của đội xây lắp		214	9 800 000	
PC120	24/9	Chuyển từ NKĐB chi tiền		111	2 200 000	
BTL	27/9	Lương NV quản lý đội xây lắp		334	6 500 000	
GTT	28/9	Tiền ăn ca phải trả công công trình&NV QLPX		334	9 250 000	
BPB	28/9	TríchBHXH,BHYT, KPCĐ tính vào CP		338	10 545 000	
BTHCP	29/9	Cuối kỳ k/c CP SXC để tính Z SP XL		154		42 940 500

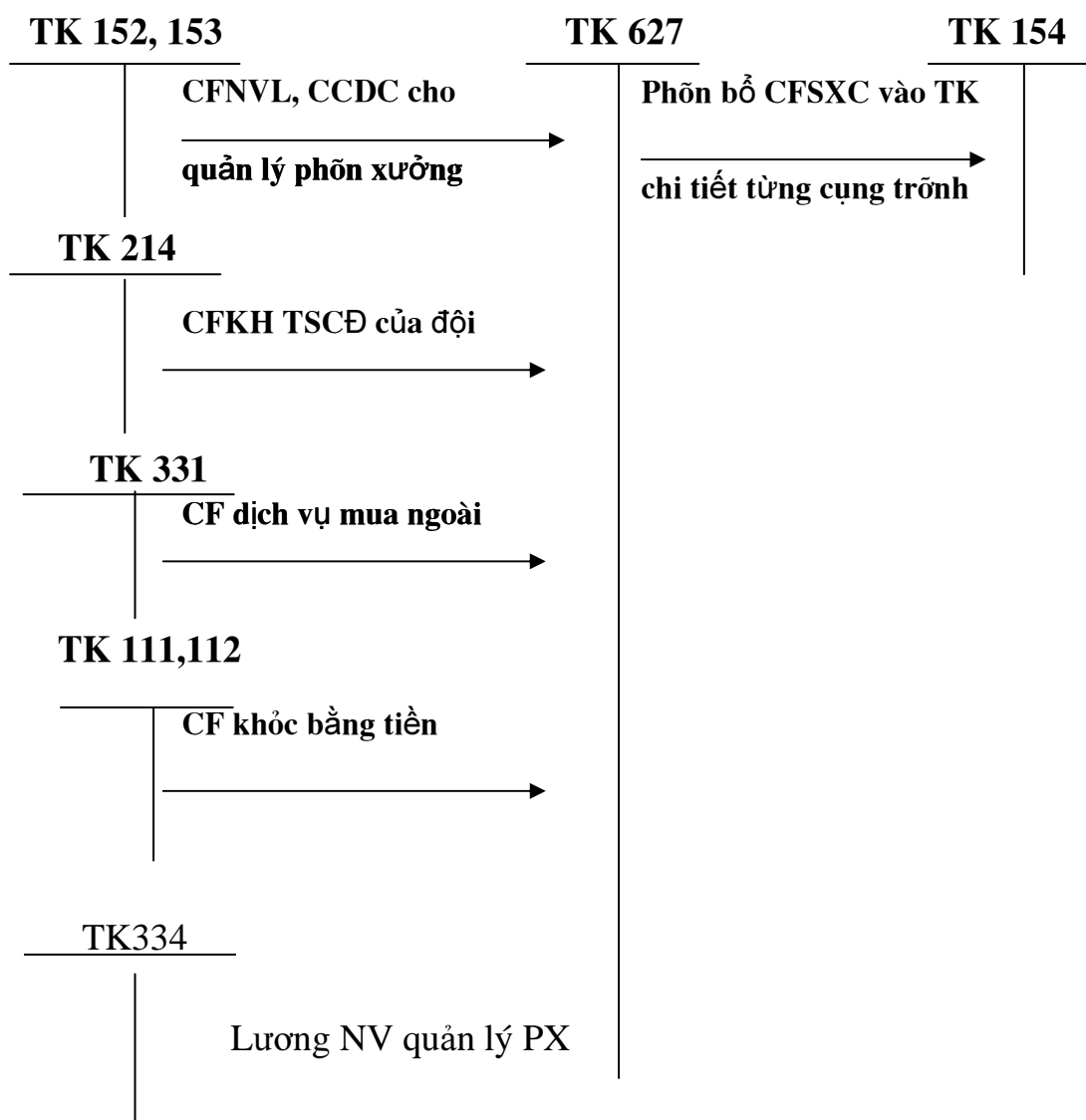
Ngày 30 tháng 09 năm 2004

Người ghi sổ
(ký,họ tên)

Kế toán trưởng
(ký,họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký,họ tên)

Có thể khái quát hạch toán chi phí sản xuất chung theo sơ đồ sau:



e. Đánh giá sản phẩm dở dang.

Việc đánh giá sản phẩm dở dang được tiến hành định kỳ hàng tháng. Tính giá sản phẩm dở dang phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành giữa bên A và công ty.

Nếu qui định thanh toán sản phẩm xây dựng khi hoàn thành theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý thì sản phẩm dở dang là khối lượng xây lắp chưa đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được tính theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của công trình cho các giai đoạn.

Nếu trong hợp đồng quy định thanh toán chi phí xây dựng sau khi hoàn thành toàn bộ sản phẩm thì sản phẩm dở dang là tổng chi phí sản xuất từ khi khởi công đến cuối tháng đó.

Ở công ty cơ giới và xây lắp 13 công tác tính giá thành sản phẩm dở dang đang thực hiện theo hình thức thứ nhất. Lấy ví dụ công trình đóng cọc trạm bơm Nguyên Giáp tính đến hết ngày 31/12/1999 thì khối lượng xây lắp chưa đạt điểm dừng kỹ thuật hợp lý đã quy định và được tính theo chi phí thực tế trên cơ sở phân bổ chi phí thực tế của công trình đó cho các giai đoạn là 5.500.000.000đ.

Cuối mỗi quý, kế toán tính ra giá thành thực tế sản phẩm hoàn thành. Số liệu sản phẩm dở dang mỗi tháng được theo dõi trên sổ chi tiết giá trị sản phẩm dở dang từng công trình, sau đó được kết chuyển sang đầu kỳ sau.

5. Hạch toán tổng hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm xây lắp

a. Tổng hợp chi phí sản xuất.

Tại công ty cơ giới & xây lắp 13, đối tượng tập hợp chi phí được xác định là công trình. Các chi phí sản xuất liên quan đến công trình nào thì tập hợp cho công trình ấy.

Ghi công trình đã hoàn thành trong tháng được công ty xác định theo phương pháp tổng công chi phí phát sinh từ khi khởi công đến khi hoàn thành ở sổ chi tiết giá thành.

Khi tập hợp chi phí từng công trình kế toán thực hiện bước kết chuyển phân bổ vật liệu vào từng công trình.

Nợ TK 154: Chi tiết cho từng công trình hạng mục công trình

Có TK 621

Kết chuyển vào tài khoản 154 chi phí nhân công trực tiếp của từng hạng mục công trình:

Nợ TK 154: Chi phí cho từng CT, HMCT

Có TK 622

Kết chuyển chi phí máy thi công của từng hạng mục công trình.

Nợ TK 154: Chi tiết cho từng CT, HMCT

Có TK 623

Kết chuyển tính phân bổ chi phí sản xuất chung của từng công trình, hạng mục công trình

Nợ TK 154: Chi tiết cho từng CT, HMCT

Có TK 627

Kế toán tổng hợp lấy số liệu đã vào sổ nhật ký chung, các sổ NKĐB để ghi sổ cái TK 154

SỔ CÁI TK 154

Tháng 09/2004

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền (Đ)		Ghi chú
SH	NT			Nợ	Có	
		Số dư đầu kỳ		846 575 000		
TK CT	29/9	Kết chuyển CFNVLTT vào Z	621	283 200 000		
TK CT	29/9	Kết chuyển CFNCTT vào Z	622	60 000 000		
TK CT	29/9	K/c CF máy thi công vào Z	623	33 793 500		
TK CT	29/9	K/c CF SXC vào Z SP XL	627	42 940 500		
BTH	29/9	K/c Z SP XL hoàn thành	632		1 266 509 000	
		Cộng phát sinh		419 934 000	1 266 509 000	

Cuối tháng hoặc cuối niên độ kế toán tổng hợp lấy số liệu trên sổ cái để lập bảng tổng hợp chi phí thi công cho từng công trình.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ THI CÔNG

Công trình: XD SX gạch Block-QN

(Tập hợp đến hết ngày 30/09/2004)

Đơn vị: Đồng

STT	Thành phần chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Thành tiền
01	Chi phí NVL trực tiếp	VLTT		283 200 000
02	Chi phí nhân công trực tiếp	NCTT		60 000 000
03	Chi phí sử dụng Máy thi công	MTC		33 793 500
04	Chi phí sản xuất chung	SXC		42 940 500
	Tổng	x	x	419 934 000

b. Tính giá thành sản phẩm

Thời điểm tính giá thành thực tế thường là khi kết thúc sản phẩm, công trình, hạng mục công trình, có khi là điểm dừng kỹ thuật nhất định của công việc xây lắp.

Tại công ty cơ giới và xây lắp 13 với những công trình, hạng mục công trình hoàn thành thì giá thực tế sẽ được thể hiện ở số dư cuối kỳ trên sổ TK 154 chi tiết theo công trình đó. Nếu trong trường hợp có phế liệu thu hồi thì giá thành là phần còn lại sau khi lấy số dư tại thời điểm hoàn thành trên sổ cái TK154 - XL trừ đi phần phế liệu vật liệu thu hồi.

$$\text{Giá thành thực tế} = \text{Chi phí dở dang đầu kỳ} + \text{Tổng chi phí phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí dở dang cuối kỳ} - \text{Thuế (nếu có)}$$

Như vậy với các công trình chưa hoàn thành kế toán xác định phần đạt điểm dừng kỹ thuật coi đó là hạng mục công trình hoàn thành, kế chuyển xác định kết quả kinh doanh. Phần chưa đạt điểm dừng kỹ thuật là chi phí dở dang để lại trên tài khoản 154.

Như vậy kế toán công ty khi tính giá thành thông qua tài khoản 632 .Sau đó k/c sang TK 911

Nợ TK632 Tổng giá thành sản xuất xây lắp toàn công ty.

Có TK 154

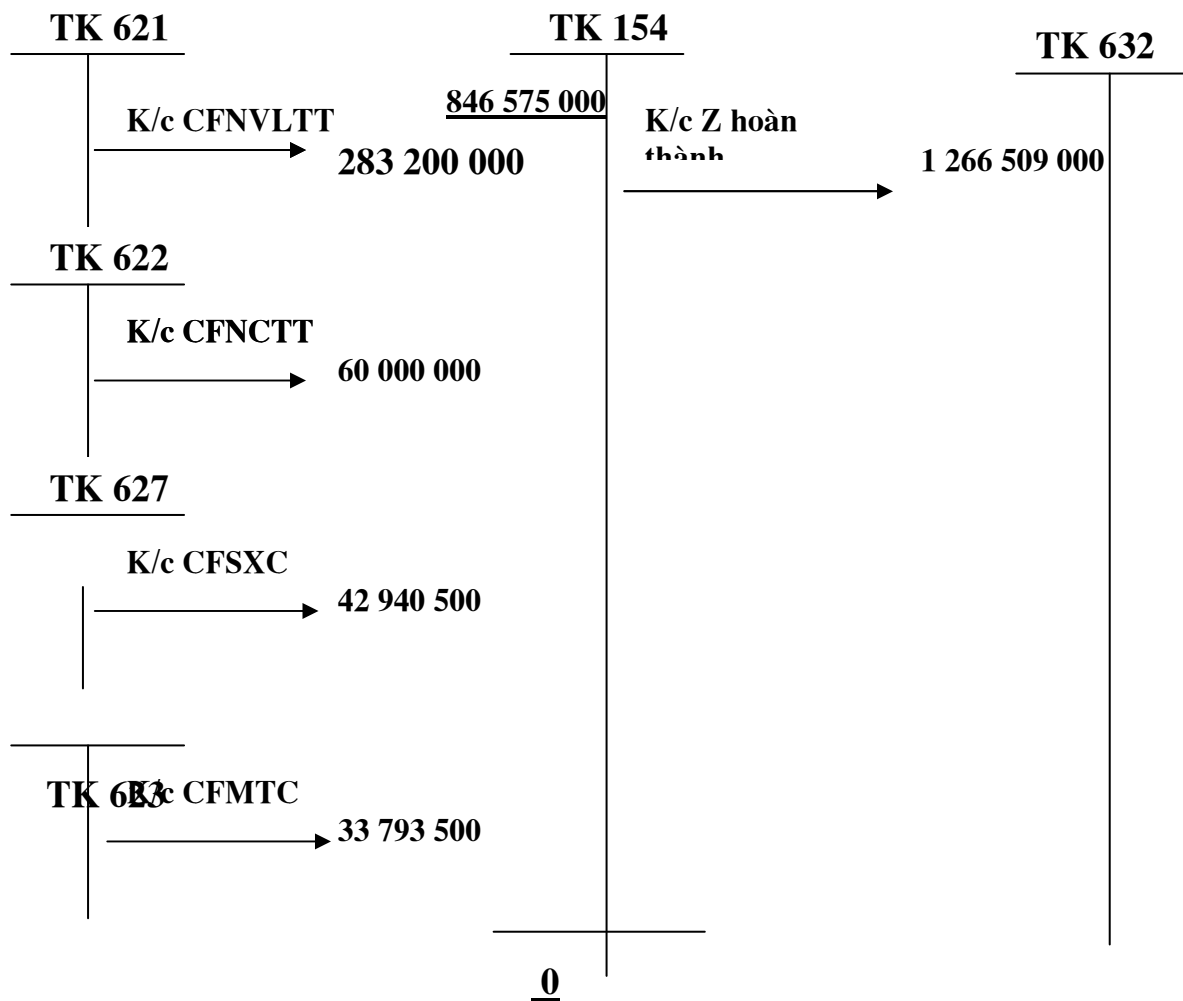
Để theo dõi toàn bộ chi phí của công ty kế toán tổng hợp giá thành lập ra sổ tổng hợp chi phí sản xuất và giá thành trên toàn công ty. Sổ này mở theo từng quý để tiện theo dõi với sổ cái. Qua đó có thể theo dõi đánh giá toàn bộ chi phí sản xuất trong kỳ đã bỏ để so sánh giữa các công trình, hạng mục công trình mà công ty đang thi công trong kỳ, giữa các đội thi công. Ta lập:

Sổ tổng hợp chi phí sản xuất.

Từ sổ tổng hợp chi phí sản xuất kế toán lập bảng tính giá thành cho toàn bộ công trình mà không lập thể tính giá thành riêng cho từng công trình.

Có thể khái quát việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của công ty qua sơ đồ sau:

Đơn vị : 1000đ



Sơ đồ tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty

Như vậy khi tập hợp chi phí sản xuất và kết chuyển giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành công ty qua tài khoản 632, TK 911 để xđ KQKD.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 154	419 934 000
Có TK 621	283 200 000
Có TK 622	60 000 000
Có TK 623	33 793 500
Có TK 627	42 940 500
Nợ TK 632	419 934 000
Có TK 154	419 934 000
Nợ TK 911	419 934 000
Có TK 632	419 934 000

Phần thứ ba
MỘT SỐ Ý KIẾN ĐÓNG GÓP NHẪM CẢI TIẾN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TẠI CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ NHỮNG ƯU ĐIỂM VÀ TỒN TẠI CỦA CÔNG TÁC KẾ TOÁN
TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM XÂY LẮP TẠI
CÔNG TY.

1. Những ưu điểm:

Công ty cơ giới và xây lắp 13 từ ngày thành lập đến nay đã trải qua hơn 30 năm, đã lớn mạnh không ngừng cả về qui mô lẫn chất lượng sản xuất. Một điều không thể nói đến là công ty luôn tìm cách tiếp cận thị trường, mở rộng qui mô kinh doanh nhằm thu hút khách hàng và ký kết các hợp đồng xây dựng. Để có thể ký kết nhận thầu công trình, công ty thực hiện theo cơ chế đấu thầu xây lắp ban hành theo quyết định số 60 - BXD/VKT ngày 30/3/1994 của Bộ trưởng Bộ xây dựng. Đối với mỗi dự án công trình, hạng mục công trình công ty đều lập hồ sơ dự thầu, lập ra các dự toán tối ưu để giành thầu công trình. Có được thành tựu như vậy là do những đóng góp không nhỏ của hạch toán kế toán trong các khía cạnh sau:

Về bộ máy kế toán: Được tổ chức gọn nhẹ, quy trình làm việc khoa học, cán bộ kế toán được bố trí hợp lý phù hợp với trình độ và khả năng của mỗi người. Chính vì thế mà việc hạch toán nội bộ có hiệu quả, góp phần đắc lực vào công tác quản lý của công ty.

Về tổ chức công tác: Được tổ chức gọn nhẹ, quy trình làm việc khoa học, cán bộ kế toán được bố trí hợp lý phù hợp với trình độ và khả năng của mỗi người. Chính vì thế mà việc hạch toán nội bộ có hiệu quả, góp phần đắc lực vào công tác quản lý của công ty.

Về tổ chức công tác kế toán: Nhìn chung chứng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ. Cách thức hạch toán nói chung của công ty đã khá hữu hiệu và phù hợp với chế độ kế toán cải cách. Công ty áp dụng thành công một số phần hành hạch toán kinh doanh trên máy vi tính với hệ thống sổ sách phù hợp theo hình thức nhật ký chung đúng với yêu cầu quy định của Bộ xây dựng đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty.

Về phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được xác định phù hợp với đặc điểm xuất sắc sản phẩm của công ty. Công ty đã áp dụng hình thức giao khoán xuống các đội xây dựng và thi công. Đây là một hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với đặc điểm và tình hình sản xuất của công ty.

Về vật tư: Công ty giao quyền chủ động cho đội trưởng chịu trách nhiệm mua sắm những vật tư còn thiếu cần sử dụng ngay, phải đảm bảo vật tư đúng chất lượng, đúng thủ tục theo chế độ hiện hành. Đối với vật tư sử dụng của công ty, công ty cân đối, làm thủ tục xuất tính vào giá thành công trình.

Về máy thi công: Nếu không có hoặc thiếu, công ty thuê ngoài bằng hình thức hợp đồng, thuê thiết bị theo thể lệ hiện hành. Toàn bộ kinh phí hợp đồng được chuyển về phòng tài vụ để theo dõi và hạch toán. Đồng thời giải quyết cấp kinh phí kịp thời để các đội triển khai thi công.

Sự phối hợp trên đây giữa các phong ban công ty với đội phân xưởng luôn đảm bảo cho việc tính đầy đủ chính xác giá thành công trình, giải quyết tốt mối quan hệ giữa công ty với người lao động, với chủ đầu tư, nhà nước và các bên liên quan...

Những điểm làm được trên đây là do kết quả công sức lao động của toàn thể cán bộ nhân viên công ty. Và một phần không nhỏ trong đó là sự cố gắng của phòng tài vụ thực hiện vai trò hạch toán quản lý tài chính của mình.

2. Những tồn tại

Bước đầu áp dụng chế độ kế toán cải cách nên xuất hiện sự sai sót nhầm lẫn trong các công ty là không thể tránh khỏi. Công ty cơ giới và xây lắp 13 ngoài những điểm đã đạt được nêu trên không tránh khỏi một số tồn tại nhất định.

Thứ nhất: Việc tổ chức quản lý chi phí còn chưa chặt chẽ toàn diện nên vì thế mà giá thành sản phẩm chưa phản ánh đúng bản chất của nó. Trong sản phẩm công ty, nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng lớn nên việc tiết kiệm nguyên vật liệu là một trong những hướng chính để hạ giá thành sản phẩm. Tuy nhiên bên cạnh đó lại có kẽ hở về chi phí nguyên vật liệu do phân xưởng tự đảm nhiệm theo nhu cầu sản xuất. Phần nguyên liệu này làm cho giá thành sản phẩm hoặc có phần cao hơn so với việc lĩnh tại kho hoặc chất lượng chưa bảo đảm.

Thứ hai: Đối với những vật tư cần thay thế hoặc lắp đặt, công ty có thể tận dụng những phụ tùng sử dụng nhưng chất lượng vẫn còn bảo đảm. Trong thực tế khi các đội thi công nhận công trình mới thường đề nghị giám đốc mua mới rất nhiều thiết bị quản lý, phụ tùng... Chính vì thế mà giá thành sản phẩm tăng lên, làm giảm lãi của doanh nghiệp.

Thứ ba: Do đặc điểm sản xuất của công ty mà chi phí sản xuất chung liên quan đến nhiều đối tượng không tập hợp trực tiếp cho sản phẩm nào thì kế toán thường phân bổ theo một tiêu thức nhất định thường là chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Nhưng có sản phẩm mang tính gia công thì cần nhiều giờ công sản xuất, có sản phẩm thì nguyên vật liệu lại chiếm tỉ trọng lớn, nên việc phân bổ theo tiêu thức này thường gây ra sự chênh lệch lớn về chi phí.

Thứ tư:

Ngoài những tồn tại nêu trên còn một số điểm lưu ý khác trong các phần hạch toán cụ thể. Em xin trình bày những tồn tại đó đồng thời với việc nêu ra phương hướng nhằm cải tiến công tác kế toán.

II. PHƯƠNG HƯỚNG CẢI TIẾN CÔNG TÁC HẠCH TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢN TRỊ CỦA DOANH NGHIỆP.

Để khắc phục những tồn tại trong quản lý cũng như hạch toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty, em xin đề xuất một số ý kiến như sau:

1. Về phương pháp hạch toán khoản mục chi phí:

Với những sản phẩm mang tính chất xây dựng cơ bản, công ty nên hạch toán theo kế toán xây dựng cơ bản để mang tính quản trị trong doanh nghiệp.

+ Hạch toán khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Theo chế độ kế toán hiện hành, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hạch toán vào TK 621. Tuy nhiên khi xuất nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ công trình kế toán nên phân chia TK 152 thành ba TK cấp 2:

TK 1521 - Vật liệu

TK 1522 - Nhiên liệu

TK 1523 - Phụ tùng

Khi đó nếu xuất vật liệu, nhiên liệu hay phụ tùng phục vụ công trình kế toán ghi:

Nợ TK 621 - Chi tiết cho đối tượng

Có TK 152 - Chi tiết theo NVL xuất.

Khi đó kế toán dễ dàng quản lý, so sánh mức tiêu hao của từng loại vật liệu, nhiên liệu, phụ tùng cho từng công trình.

+ Hạch toán khoản mục chi phí nhân công trực tiếp kế toán tập hợp.

Nợ TK 622

Có TK 331: Nếu nhân công thuê ngoài

Có TK 334: Nếu là công nhân công ty.

Trong chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản tính như:

BHXX, BHYT, KPCĐ. Khi tính kế toán công ty ghi:

⊕ Trích BHXX:

Nợ TK 627: Lương trực tiếp

Có TK 3383

Do đặc thù của ngành XD CB khi trích BHXX, BHYT, KPCĐ trên tổng số tiền lương CN trực tiếp xây lắp, kế toán phản ánh vào TK 627, mà không phản ánh ở TK 622 như ở các DN thông thường :

Nợ TK 622: Lương trực tiếp

Có TK 3383

⊕ Trích BHYT: Theo chế độ hiện hành quy định BHYT được hình thành bằng cách trích 3% trên số thu nhập tạm tính của người lao động trong đó người sử dụng lao động chịu 2% tính vào chi phí kinh doanh, người lao động trực tiếp nộp 1% (trừ vào thu nhập).

Nợ TK 627

Có TK 3384

Công ty nên trích BHYT theo chế độ quy định.

Nợ TK 622

Có TK 3384

Tại công ty khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ trên tổng số tiền lương CN trực tiếp xây lắp, lương CN sử dụng máy thi công kế toán đều phản ánh vào TK 627-Chi phí sản xuất chung, mà không phản ánh vào TK 622, TK 623 do đó cũng làm ảnh hưởng đến tỷ lệ các khoản mục chi phí trong giá thành sản phẩm

2. Về phương pháp đánh giá chi phí xây lắp dở dang

Việc đánh giá thành sản phẩm dở dang trong công ty phụ thuộc vào phương thức thanh toán khối lượng hoàn thành giữa bên A và công ty. Nếu quy định sản phẩm xây lắp thanh toán sau khi hoàn thành toàn bộ giá thành là tổng chi phí phát sinh từ khi khởi công đến khi bàn giao. Nếu cuối kỳ chưa hoàn thành thì giá trị sản phẩm dở dang là toàn bộ chi phí từ khi khởi công đến cuối kỳ. Nếu thanh toán theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý (xác định được giá dự toán) thì sản phẩm dở dang là khối lượng xây lắp chưa đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý. Công ty xây lắp và chưa đạt đến điểm dừng kỹ thuật hợp lý. Công ty xây lắp và cơ giới 13 có khối lượng sản phẩm dở dang đầu kỳ khá lớn. (846 575 000đ)

Công ty nên thay đổi phương thức thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành: tăng số lượng công trình thanh toán theo điểm dừng kỹ thuật hợp lý để tránh tình trạng tồn vốn, tăng nhanh vòng quay của vốn, hạ giá thành sản phẩm.

3. Phương pháp tập hợp chi phí để tính giá thành.

ở công ty cơ giới và xây lắp 13 khi tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm sử dụng TK 632 - giá vốn hàng bán để kết chuyển giá thành sản xuất xây lắp bàn giao trong kỳ.. và giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ, kế toán xét đối ứng giữa bên nợ TK 154 và bên có TK 632. Do đó công ty thông qua TK 632 để tính giá thành sản phẩm xây lắp. Khi đó muốn biết sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ phải xét đối ứng giữa TK 154 và TK 632

KẾT LUẬN

Trong nền kinh tế thị trường với sự cạnh tranh lành mạnh hiện nay, một công ty chỉ có thể tồn tại, đứng vững khi biết kết hợp sử dụng đúng đắn các yếu tố đầu vào, đảm bảo chất lượng đầu ra và tự cân đối hạch toán kinh tế. Để làm được điều này thông tin kinh tế giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc chi phí các quyết định lãnh đạo. Nó gắn liền với công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành ở các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp xây lắp nói riêng. Chi phí sản xuất luôn gắn với việc sử dụng tài sản, vật tư lao động trong sản xuất. Việc tính đúng, tính đủ giá thành tạo điều kiện để doanh nghiệp xác định đúng kết quả tài chính tạo điều kiện để doanh nghiệp xác định đúng kết quả tài chính của mình. Vì thế sử dụng hợp lý, tiết kiệm các loại chi phí sản xuất cùng với việc phấn đấu hạ giá thành sản phẩm là điều kiện kiên quyết để tăng tích lũy xã hội. Yêu cầu đặt ra là đổi mới hoàn thiện không ngừng công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành xây lắp để thích ứng với yêu cầu quản lý trong cơ chế mới.

Với mục tiêu góp phần đổi mới công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm với việc tăng cường quản trị doanh nghiệp, bài báo cáo đề cập đến:

1. Đi sâu nghiên cứu tìm hiểu một số vấn đề lý luận cơ bản thuộc lĩnh vực chi phí sản xuất và giá thành trong các doanh nghiệp xây dựng.

2. Tìm hiểu thực trạng bộ máy quản lý, kế toán đặc điểm sản xuất kinh doanh và công tác hạch toán chi phí sản xuất, tính giá thành tại công ty cơ giới và xây lắp 13 thuộc Tổng công ty xây dựng và phát triển hạ tầng - LICOGI. Trong đó đã đi sâu vào nghiên cứu phương pháp hạch toán, sử dụng các chỉ tiêu chi phí giá thành.

3. Từ đó, đưa ra những đề xuất kiến nghị và phương hướng cơ bản nhằm hoàn thiện công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

Do kiến thức còn hạn chế, do thời gian thực tập không dài bài viết mới chỉ đề cập đến những vấn đề có tính cơ bản nhất, cũng như mới chỉ đưa ra những ý kiến bước đầu, chắc chắn không tránh khỏi sơ suất, thiếu sót. Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ của thầy, cô giáo giúp em hoàn thành bài báo cáo này.

Em xin chân thành cảm ơn cô giáo Nguyễn Thị Thắm, các thầy cô trong khoa Kế toán, các cán bộ công nhân viên phòng kế toán Công ty cơ giới và xây lắp 13 đã giúp em hoàn thành bài báo cáo này.

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

[illegible]

Nội dung Quảng cáo

Nội dung chương trình dạy kế toán thực hành của Tadiethu

STT	Tên khóa học	Nội dung	Học Phí	Kết quả
01	Học Kế toán online – Tổng hợp các loại hình kế toán (TM, DV, DL)	Bộ chứng từ 1 tháng	Miễn phí	Thành thạo các công đoạn kế toán .Tổng hợp chứng từ, định khoản, lên báo cáo tài chính Thành thạo phần mềm kế toán cho loại hình doanh nghiệp, thông thạo kê khai thuế
02	Các vị trí kế toán thuộc kê thống kế toán (từ kế toán quản trị)	Bộ chứng từ 1 tháng	100.000 Đồng	
03	Kế toán doanh nghiệp Thương mại	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
04	Kế toán doanh nghiệp dịch vụ	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
05	Kế toán doanh nghiệp sản xuất	Bộ chứng từ 3 tháng	250.000 Đồng	
06	Tổng hợp cả ba loại	Bộ chứng	500.000	

	hình trên	từ 3 tháng	Đồng	
--	-----------	------------	------	--

1.2 Nội dung khóa học

Lập chứng từ và quản lý chứng từ:

- Lập chứng từ kế toán
- Phân loại chứng chứng từ kế toán
- Lưu chứng từ kế toán
- Thực hiện các nghiệp vụ phiếu kế toán cuối kỳ
- Các nghiệp vụ hành chính bắt buộc ví dụ : Bảo hiểm, văn thư ..

Thực hành ghi sổ kế toán:

Sổ tổng hợp:

- Sổ nhật ký (Nhật ký chung)
- Sổ cái (các tài khoản)

Sổ chi tiết:

- Sổ quỹ tiền mặt tiền gửi (111; 112)
- Sổ chi tiết công nợ và tổng hợp công nợ (TK131;331...)
- Sổ chi tiết hàng tồn kho, tổng hợp N - X – T(TK152;156)
- Sổ chi tiết doanh thu bán hàng, tổng hợp doanh thu bán hàng (TK 511...).
- Bảng tập hợp chi phí và tính giá thành (TK154;621;622;627)
- Bảng theo dõi phân bổ công cụ dụng cụ (TK 153; 242...)
- Bảng theo dõi khấu hao tài sản cố định (TK 211;214...)

Lên Bảng cân đối phát sinh

- Từ số liệu của sổ chi tiết tổng hợp và lên bảng cân đối phát sinh

Lên Báo Cáo Tài Chính

- Lên bảng lưu chuyển tiền tệ
- Bảng cân đối kế toán
- Thuyết minh tài chính

Liên hệ sđt 0936838448

hoặc mail dttdiepthu@gmail.com